

TP. Nam Định, ngày 20 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024- 2025

-----***-----

CÁC CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Nam Định;

Công văn số 1622/SGDĐT- GDMN ngày 03/9/2024 của Sở Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2024 2025;

Công văn 597/ PGDĐT-GDMN ngày 04/9/2024 của Phòng GD-ĐT thành phố Nam Định về việc Hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2024 2025;

Công văn 676/ PGDĐT-GDMN ngày 19/9/2024 của Phòng GD-ĐT thành phố Nam Định về việc Hướng dẫn thực hiện nền nếp giảng dạy và hoạt động chuyên môn;

Kế hoạch số 02/KH-MNSV ngày 20/9/2024 của trường mầm non Sao Vàng về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Trường mầm non Sao Vàng xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025

Trường mầm non Sao Vàng nằm trên địa bàn Phường Cửa Bắc với diện tích 1,37 km², dân số khoảng 31.323 nhân khẩu, được chia thành 22 tổ dân phố. Trong đó có 643 trẻ trong độ tuổi mầm non. Kinh tế địa phương tuy còn gặp nhiều khó khăn song nhân dân phường Cửa Bắc vốn có truyền thống hiếu học nên trong những năm qua Đảng bộ, chính quyền địa phương và nhân dân phường Cửa Bắc đã tập trung đầu tư về mọi mặt cho sự nghiệp giáo dục, phát triển đồng bộ cả về quy

mô trường lớp và chất lượng giáo dục, nhiều năm liền trường đạt danh hiệu trường tiên tiến và tiên tiến xuất sắc, năm 2021 đã được công nhận lại là trường chuẩn quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng đạt cấp độ III, trường được Sở GD&ĐT công nhận trường mầm non xanh – sạch – đẹp – an toàn .

Năm học 2024- 2025 nhà trường tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ:

- Đổi mới công tác quản lý giáo dục.
- Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:
 - + Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

- + Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN:

Tiếp tục thực hiện Chương trình GDMN của Bộ GD & ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016, đồng thời phát triển CTGD thông qua việc lồng ghép, tích hợp, ứng dụng giáo dục Stem vào các hoạt động giáo dục phù hợp, tạo cơ hội cho trẻ khám phá, trải nghiệm, khơi dậy niềm yêu thích của trẻ với khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, toán học,.... góp phần phát triển toàn diện cho trẻ.

Thực hiện các chuyên đề trong năm học: Tổng kết đánh giá chuyên đề: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021- 2025”; Tăng cường lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục: Giáo dục quyền con người, giáo dục giới tính; Thực hiện các Chuyên đề trong tổ chức thực hiện Chương trình GDMN: Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ; Giáo dục An toàn giao thông; Giáo dục bảo vệ môi trường, Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả; Giáo dục bảo vệ môi trường biển và hải đảo, giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Đảm bảo các điều kiện trường lớp, cơ sở vật chất, đội ngũ:
 - + Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp
 - + Tăng cường CSVC, nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.
 - + Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới.

- Củng cố nâng cao chất lượng PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi; chuẩn bị cho phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong GD.

- Phát động phong trào thi đua và đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

1. Số lượng trẻ năm học 2024-2025

a) *Số nhóm nhà trẻ, lớp mẫu giáo*: Nhà trường chia nhóm/lớp theo đúng độ tuổi, theo quy định của Điều lệ trường MN. Tổng số: 20 nhóm/lớp. Trong đó:

- Số nhóm nhà trẻ : 2 nhóm (24 -36 tháng)

- Số lớp mẫu giáo: 18 lớp (trong đó: 5 lớp 3 tuổi, 7 lớp 4 tuổi, 6 lớp 5 tuổi)

b) *Tổng số học sinh*: 534 trẻ (tháng 9/2024), trong đó:

- Số trẻ nhà trẻ: 40 trẻ

- Số trẻ MG: 494 trẻ (Trong đó: Số trẻ 3 tuổi: 117 trẻ , Số trẻ 4 tuổi: 155 trẻ, Số trẻ 5 tuổi: 222 trẻ)

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số CB, GV, NV: 62 đ/c (tháng 9/2024). Trong đó:

a) Cán bộ quản lý: 03 đ/c (1 hiệu trưởng, 2 hiệu phó)

b) Giáo viên, nhân viên: 59 đ/c

* *Giáo viên*: 43 đ/c

- Giáo viên nhà trẻ: 5 GV/ 2 nhóm

- Giáo viên MG: 38 GV/ 18 lớp

* *Nhân viên*: 16 đ/c (Trong đó: Kế toán: 1 đ/c, Bảo vệ: 4 đ/c, NV vệ sinh: 2 đ/c, NV dinh dưỡng: 9 đ/c)

c) *Phân loại trình độ chuyên môn*.

- Cán bộ quản lý: Hiệu trưởng và 2 Phó hiệu trưởng đều có trình độ Đại học sư phạm mầm non.

- Giáo viên:

+ Trình độ Đại học SPMN: 34/43 đ/c (chiếm 79 %).

+ Trình độ CĐSPMN: 9/43 đ/c (chiếm 21%). Trong đó có 7 đ/c đang theo học nân cao trình độ từ CĐ lên ĐH.

* Chi bộ Đảng với 26 đảng viên (trong đó có 02 đảng viên dự bị)

* Công đoàn: 55 người

* Đoàn thanh niên: Gồm 24 đoàn viên

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

a) *Quy mô trường, lớp, diện tích mặt bằng*: Trường tập chung vào một khu trung tâm: Diện tích: 7.165 m²

b) *Khối phòng học*: Gồm có 20 phòng học đã xây kiên cố, diện tích trung bình 120m²/ nhóm lớp, phòng đã lát nền đá hoa, quét vôi sạch sẽ. Có công trình vệ sinh

khép kín theo điều lệ trường mầm non, kho đựng thiết bị, đồ dùng cho trẻ, sân khấu tổ chức lễ hội cho các cháu.

c) *Khối phòng chức năng*: Có đầy đủ các phòng chức năng: 01 phòng Steam, 01 phòng hướng nghiệp, 01 phòng Kidsmarts, 02 phòng hoạt động âm nhạc (1 phòng cho lứa tuổi Nhà trẻ và 1 phòng cho lứa tuổi mẫu giáo), 02 phòng PT thể chất (1 phòng cho lứa tuổi Nhà trẻ và 1 phòng cho lứa tuổi mẫu giáo), 01 phòng y tế, 01 phòng hành chính quản trị.

d) *Bếp ăn*.

- Bếp ăn 1 chiều, gọn gàng, sạch sẽ

e) *Đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị trong và ngoài lớp học*

- Nhà trường định kì rà soát, sửa chữa, mua sắm bổ sung đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tại các nhóm/ lớp. Đồ dùng, đồ chơi theo TT 02 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được nhà trường trang bị tương đối đầy đủ.

- Đồ chơi ngoài trời đa dạng, phong phú về chủng loại, có cây bóng mát, cây cảnh, có vườn rau của bé, giàn leo, suối nước, đồi cỏ. Sân chơi phía trước, sau rộng rãi, sạch sẽ, an toàn cho trẻ hoạt động.

4. Một số thuận lợi và khó khăn trong năm học:

4.1. Thuận lợi:

- Trường mầm non Sao Vàng là trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III, trường MN Xanh- Sạch- Đẹp và An toàn ; là trường điểm của Tỉnh - Thành phố, trường luôn nhận được sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của Sở GD - ĐT và Phòng GD - ĐT Thành Phố; sự ủng hộ của Đảng Ủy- UBND Phường Cửa Bắc và của phụ huynh học sinh.

- Nhà trường đã và đang thực hiện hiệu quả, chất lượng chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đồng thời, phát triển CTGD thông qua việc ứng dụng, lồng ghép, tích hợp giáo dục Steam trong các hoạt động vui chơi, học tập phù hợp từng lứa tuổi, tạo cơ hội cho trẻ khám phá, trải nghiệm, khơi dậy niềm yêu thích của trẻ với khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, toán học..... góp phần phát triển toàn diện cho trẻ, làm tiền đề thuận lợi cho các bậc học sau.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhiệt tình, sáng tạo, yêu nghề mến trẻ, tận tụy với công việc; 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; luôn nhiệt tình tham gia trong các phong trào và các hoạt động của nhà trường.

- Nhà trường được trang bị tương đối đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo thông tư 02 nên rất thuận tiện cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình GDMN.

- Trẻ được phân tách theo đúng độ tuổi, đồng đều nên rất thuận tiện cho thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đa số phụ huynh nhiệt tình tham gia, ủng hộ các hoạt động của nhà trường và các nhóm/lớp.

4.2. Khó khăn

- Nhà trường đã xây dựng lâu năm, mặc dù đã được các cấp lãnh đạo quan tâm, sửa chữa nhưng đến nay vẫn tiếp tục xuống cấp ảnh hưởng tới các hoạt động của cô và trẻ.

- Các trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi cần được sửa chữa, bổ sung, thay thế liên tục.

- Một số giáo viên cao tuổi nên chưa thực sự linh hoạt, cập nhật về CNTT,...; một số giáo viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm trong một số hoạt động và trong độ tuổi sinh đẻ, con nhỏ nên phần nào ảnh hưởng đến các hoạt động của trường/lớp.

- Giáo viên hàng ngày phải làm việc từ 8-10h cho nên thời gian nghiên cứu phát triển chương trình GDMN còn hạn hẹp.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu giáo dục chung:

Theo CTGDMN quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 và chương trình GD nhà trường.

2. Mục tiêu, nội dung giáo dục cụ thể:

Nhà trường xây dựng mục tiêu, nội dung giáo dục căn cứ vào Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016; 120 chỉ số Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. Cụ thể như sau:

2. 1. Khối Nhà trẻ (24- 36 tháng): 46 mục tiêu

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
a) Phát triển vận động	
* MT 1: Cân nặng hàng tháng và chiều cao đạt : +Cân nặng bé trai : 11,6 – 14,7kg Cân nặng bé gái : 11,4 – 13,9 kg +Chiều cao bé trai : 89,4cm-	- Hàng ngày các bữa cần cung cấp năng lượng (930-1000kcal/trẻ/ngày) + Số bữa ăn tại cơ sở mầm non: 2 bữa chính, 1 bữa phụ + Uống đủ nước theo nhu cầu từ 0,8 – 1,6 l/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn)

96,5cm Chiều cao bé gái : 88,4 – 95,6cm	
* MT 2: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục : hít thở , tay , lưng/bụng và chân.	- Trẻ tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp : - Hô hấp: tập hít vào , thở ra - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, ra sau, kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng- bụng- lườn: cúi về phía trước, nghiêng người, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co , duỗi từng chân
* MT 3: Đi thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô
* MT 4: Chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô
* MT 5: Đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi trong đường hẹp có bê vật trên tay : Trẻ biết bê bóng (tú cát) trên 2 tay , đi thẳng người, giữ thẳng hướng , không làm rơi bóng (tú cát).
* MT 6: Tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt : tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m.
* MT 7: Ném vào đích xa 1 – 1,2m.	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt : Ném vào đích xa 1 – 1,2m.
* MT 8: Bò để giữ được vật đặt trên lưng .	Trẻ biết phối hợp tay , chân , cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng .
* MT 9: Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném , đá bóng : ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)
* MT 10: Vận động cổ tay , bàn tay , ngón tay – thực hiện “múa khéo”	- Xoa tay , xoay bàn tay, chạm các đầu ngón tay với nhau , rót , nhào , khuấy đảo , vò xé....
* MT 11: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay , ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động : nhào đất nặn , vẽ tổ chim , khâu vòng tay , chuỗi đeo cổ.	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay , ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động : nhào đất nặn , vẽ tổ chim , khâu vòng tay , chuỗi đeo cổ.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.	
* MT 12: Thích nghi với chế độ ăn cơm , ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm , ăn được các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong ăn uống.

* MT 13: Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
* MT 14: Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định
* MT 15: Trẻ biết làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống , đi vệ sinh)	- Làm quen với 1 số việc tự phục vụ , giữ gìn sức khỏe : Xúc com , uống nước , rửa tay , lau mặt
* MT 16: Trẻ chấp nhận : đội mũ khi ra nắng ; đi giày dép ; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	Trẻ chấp nhận : Đội mũ khi ra nắng ; đi giày dép ;mặc quần áo ấm khi trời lạnh, cởi quần áo khi bị ướt .
* MT 17: Biết tránh 1 số vật dụng , nơi nguy hiểm (bếp đang đun , phích nước nóng , xô nước , giếng) khi được nhắc nhở.	Trẻ biết tránh 1 số vật dụng (dao, kéo, phích nước nóng , xô nước ...) , nơi nguy hiểm (bếp đang đun, giếng) khi được nhắc nhở.
* MT 18: Biết và tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can , chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	Trẻ biết và tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can , chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
* MT 19: Trẻ sờ nắn , nhìn , nghe , ngửi , nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Luyện tập và phối hợp các giác quan : thị giác , thính giác , xúc giác , khứu giác , vị giác - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của 1 số đồ vật , tiếng kêu của 1 số con vật quen thuộc - Sờ nắn , nhìn , ngửi ...đồ vật , hoa , quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật , đồ chơi để nhận biết cứng – mềm , trơn (nhẵn) – xù xì - Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt, mặn, chua)
* MT 20: Chơi bắt chước 1 số hành động quen thuộc của những người gần gũi	- Trẻ có thể bắt chước 1 số hành động quen thuộc của người lớn: Bé em, cho em ăn,....
* MT 21: Sử dụng được 1 số đồ dùng , đồ chơi quen thuộc.	- Trẻ sử dụng được 1 số đồ dùng , đồ chơi quen thuộc: nói được tên , đặc điểm nổi bật , công dụng và cách sử dụng đồ dùng , đồ chơi quen thuộc
* MT 22: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi (ông bà, bố mẹ, anh chị em, cô giáo , các bạn , nhóm /lớp) khi được hỏi.
* MT 23: Trẻ nói được tên và	- Trẻ nói được tên , chức năng chính 1 số bộ phận của

chức năng của 1 số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	cơ thể : mắt để nhìn , mũi để ngửi , tai để nghe , miệng, tay , chân....
* MT 24: Trẻ nói được tên và 1 vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật , hoa quả , con vật quen thuộc.	- Trẻ nói được tên và 1 vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật , hoa quả , con vật quen thuộc.
* MT 25: Trẻ chỉ /nói tên , lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ /vàng /xanh theo yêu cầu .	Trẻ chỉ /nói tên , lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ /vàng /xanh theo yêu cầu: + Trẻ nhận biết và phân biệt các màu đỏ , vàng , xanh. + Trẻ biết cất đồ chơi theo yêu cầu
* MT 26: Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	Trẻ biết lấy hoặc cất đồ dùng , đồ chơi của bản thân và của nhóm lớp có kích thước (to – nhỏ) theo yêu cầu
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
* MT 27: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động .	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói : Cháu lấy/ cất đồ chơi trên giá cho cô.....
* MT 28: Trẻ biết trả lời các câu hỏi : “ Ai đây?”, “ Cái gì đây”, “...làm gì” , “ ...thế nào ?”	- Trẻ nghe và trả lời và đặt câu hỏi : “ Cái gì?”, “ làm gì” , “ ở đâu?”, “ thế nào” VD : Đây là con gì? Con gà gáy thế nào? ,...
* MT 29: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản : trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Trẻ chú ý lắng nghe và hiểu nội dung câu chuyện ngắn. - Trẻ trả lời được các câu hỏi về tên truyện , tên nhân vật, hành động của các nhân vật
* MT 30: Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Trẻ phát âm rõ tiếng. Phát âm các âm khác nhau.
* MT 31: Trẻ đọc được bài thơ , ca dao , đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Trẻ đọc được các đoạn thơ , bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng với sự giúp đỡ của cô giáo.
* MT 32: Trẻ nói được câu đơn , câu có 5-7 tiếng , có các từ thông dụng chỉ sự vật , hoạt động , đặc điểm quen thuộc.	- Trẻ nói được câu có 5-7 tiếng để bày tỏ nhu cầu, ý kiến của mình. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật , con vật , đặc điểm , hành động quen thuộc trong giao tiếp .
* MT 33: Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau	- Thể hiện nhu cầu , mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. + Chào hỏi , trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như “ Con gì đây?” , “ Cái gì đây?” ...
* MT 34: Trẻ nói to , đủ nghe, lễ	- Trẻ nói đủ nghe , to , rõ ràng , thể hiện sự lễ phép.

phép	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KNXH, THẨM MỸ	
* MT 35: Trẻ nói được 1 vài thông tin về mình (tên , tuổi)	- Nhận nói được tên gọi và nhận biết 1 số đặc điểm của bản thân
* MT 36: Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích .	- Nhận biết 1 số đồ dùng , đồ chơi, trò chơi, món ăn... yêu thích hoặc không thích của mình.
* MT 37: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ , lời nói.	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ , lời nói. Thường xuyên giao tiếp với người xung quanh.
* MT 38: Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui , buồn , sợ hãi.	- Trẻ nhận biết được các các cảm xúc khác nhau: vui , buồn , sợ hãi qua nét mặt , cử chỉ.
* MT 39: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc : vui , buồn , sợ hãi qua nét mặt , cử chỉ.	- Trẻ biết biểu lộ các cảm xúc khác nhau: vui , buồn, sợ hãi qua nét mặt , cử chỉ.
* MT 40: Biểu lộ sự thân thiện với 1 số con vật quen thuộc / gần gũi: bắt chước tiếng kêu , gọi.	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với 1 số con vật quen thuộc / gần gũi: bắt chước tiếng kêu , gọi.
* MT 41: Trẻ biết chào , tạm biệt , cảm ơn , ạ , vâng ạ.	- Trẻ biết chào , tạm biệt , cảm ơn , ạ , vâng ạ. - Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi lễ phép. - Thực hiện 1 số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt , cảm ơn , nói từ “ạ” , “ vâng ạ” .
* MT 42: Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em , khuấy bột cho em , nghe điện thoại ...)	- Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ : bé em, nấu bột, cho em ăn, dỗ em, nói chuyện điện thoại....
* MT 43: Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác. - Chơi thân thiện với bạn : chơi cạnh bạn , không tranh giành đồ chơi với bạn , không đánh bạn.
* MT 44: Trẻ thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn.	- Trẻ thực hiện được một số yêu cầu đơn giản của cô giáo, người lớn
* MT 45: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo 1 vài bài hát /bản nhạc quen thuộc	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo 1 vài bài hát /bản nhạc quen thuộc - Nghe hát , nghe nhạc với các giai điệu khác nhau ; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
* MT 46: Trẻ thích tô màu , vẽ, nặn , xé , xếp hình , xem tranh (- Vẽ các đường nét khác nhau , di màu , xé , vò , xếp hình.

cầm bút di màu , vẽ nguệch ngoạc)	- Xem tranh.
-----------------------------------	--------------

2.2. Khối Mẫu giáo bé (3-4 tuổi): 101 mục tiêu

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I- LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
<u>MT 1:</u> - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7- 21.2 kg + Trẻ gái: 12,3- 21,5 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9- 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1- 111,3 cm	Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp : - Năng lượng : 1470kcal/1 trẻ/ 1 ngày(trong đó ở trường mầm non cần cung cấp : 735 - > 882 kcal/ 1 ngày/ 1 trẻ) - Số bữa ăn 1 : 1 bữa chính - 1 bữa phụ - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng cần được cân đối : + Chất đạm (P) cung cấp 12% - 15%. + Chất béo (L) cung cấp 20% - 30%. + Chất bột (G) cung cấp 55% - 68% - Nước uống : Khoảng 1,6 -> 2 lít/ngày/ 1 trẻ.
* <u>MT2:</u> Thực hiện đúng các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp.	Các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp : Hô hấp- Tay – Lưng, bụng, lườn- Chân- Bật, nhảy.
* <u>MT3:</u> Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động : Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m)	- Trẻ có thể đi hết đoạn đường hẹp : Đi giữa 2 vạch kẻ song song các nhau 0,2m và có độ dài 3m . Hai tay chống hông hoặc để tự nhiên,bước đi đều, không giẫm lên vạch, tư thế ngay ngắn, đầu không cúi.
* <u>MT 4:</u> Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động : Đi kiễng gót liên tục 3m. Hai tay chống hông đi nhón trên phía đầu bàn chân , kiễng cao gót.
* <u>MT 5:</u> Đi/ chạy thay đổi tốc độ, thay đổi hướng theo đúng hiệu lệnh.	- Trẻ có thể đi/ chạy thay đổi tốc độ : đi/ chạy nhanh, đi/ chạy chậm theo đúng hiệu lệnh của cô (hiệu lệnh có thể bằng lời nói hoặc âm thanh); đi thay đổi hướng theo đường đích dắc sao cho không lệch ra ngoài.
* <u>MT 6:</u> Chạy liên tục trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.	- Trẻ có thể thực hiện vận động : Chạy liên tục trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc , chiều rộng 50cm , khoảng cách giữa 2 điểm : 2- 2,5m) không chệch ra ngoài.
*<u>MT 7:</u> Tung bắt bóng với cô : bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 2,5m).	- Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: Tung bắt bóng với cô : bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 2,5m), tung và đón bắt bóng bằng 2 tay.
*<u>MT 8:</u> Tự đập- bắt bóng được 3	- Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động :

<p>lần liền(đường kính bóng 18 cm) ; Chuyển bắt bóng sang hai bên theo hàng ngang (hàng dọc)</p>	<p>+ Tự đập- bắt bóng được 3 lần liền. Trẻ đứng thẳng, 2 chân rộng bằng vai, 2 tay cầm bóng đập xuống đất trước mũi bàn chân và đưa 2 tay đón bắt bóng khi bóng nảy lên.</p> <p>+ Chuyển bắt bóng sang hai bên theo hàng ngang (hàng dọc) : Trẻ đứng xếp theo đội hình hàng ngang(hàng dọc) , - cách nhau khoảng 1 cánh tay của trẻ. Trẻ đứng đầu hàng cầm bóng bằng hai tay đưa chuyển sang cho trẻ đứng cạnh, trẻ đó đón lấy bóng bằng hai tay rồi chuyển tiếp cho bạn bên cạnh, tiếp tục chuyển như vậy đến trẻ đứng cuối hàng thì lại chuyển ngược trở lại.</p>
<p>*MT 9: Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.</p>	<p>- Trẻ có thể chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.</p>
<p>*MT 10: Ném xa bằng 1 tay; Ném xa bằng 2 tay ; Ném trúng đích ngang xa (1,5m)</p>	<p>- Ném xa bằng 1 tay : Trẻ đứng trước vạch xuất phát, 1 tay cầm bóng (túi cát) cùng phía chân sau, đưa vòng xuống dưới từ trước ra sau, lên cao và ném mạnh về phía trước.</p> <p>- Ném xa bằng 2 tay : Trẻ đứng tự nhiên trước vạch xuất phát, hai chân rộng bằng vai, 2 tay cầm bóng(túi cát) giơ cao lên đầu và ném mạnh về phía trước.</p> <p>- Ném trúng đích ngang xa (1,5m) : Trẻ đứng trước vạch xuất phát, tay cầm bóng (túi cát) cùng phía chân sau đưa ngang tầm mắt, nhắm đích và ném vào đích nằm ngang xa 1,5m.</p>
<p>*MT 11: Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) ; Bò trong đường dích dắc (mỗi điểm dích dắc cách nhau 2,5m , rộng 0,5m) không chệch ra ngoài.</p>	<p>- Trẻ biết phối hợp căng tay, căng chân bò trong đường hẹp, bò trong đường dích dắc sao cho không chệch ra ngoài.</p>
<p>*MT 12: Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.</p>	<p>- Trẻ thực hiện được các vận động : + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.</p>
<p>*MT 13: Vẽ được hình tròn theo mẫu.</p>	<p>- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động vẽ được hình tròn theo mẫu.</p>
<p>*MT 14: Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.</p>	<p>- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay để cắt thẳng được một đoạn 10 cm.</p>
<p>*MT 15: Xếp chồng 8- 10 khối không đổ.</p>	<p>- Trẻ biết xếp chồng 8- 10 khối không đổ.</p>

*MT 16: Tự cài, cởi cúc áo.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay để tự cài, cởi cúc áo.
* MT 17: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh : Thịt, cá, trứng, sữa, rau, củ, quả...
* MT 18: Biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Trẻ nói được tên một số món ăn quen thuộc : cơm, canh rau, cá kho, trứng rán, thịt rim...
* MT 19: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau: cơm, phở, cá, thịt, trứng, rau, củ quả...
* MT 20: Thực hiện được một số việc đơn giản trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn .	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn : + Rửa tay, lau mặt, súc miệng + Tháo tất, cởi quần áo...
* MT 21 : Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa để ăn cơm, cốc để uống nước.
* MT 22 : Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở : - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Uống nước đun sôi để nguội
* MT 23: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở : Vệ sinh răng miệng, ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	- Trẻ chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.
*MT 24: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở : Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
* MT 25: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Trẻ nhận ra và tránh những vật dụng nguy hiểm : bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, các vật sắc, nhọn(dao, kéo),...
* MT 26: Biết tránh những nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi) khi được nhắc nhở.	- Trẻ biết tránh, không chơi ở những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôikhi được nhắc nhở.

<p>* MT 27: Biết tránh hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.</p>	<p>- Trẻ biết không được cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt vì dễ bị sặc, hóc,...gây nguy hiểm.</p>
<p>*MT 28: Biết tránh hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không tự lấy thuốc uống.</p>	<p>- Trẻ biết không được tự lấy thuốc uống.</p>
<p>*MT 29: Biết tránh hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không leo trèo bàn ghế, lan can.</p>	<p>- Trẻ biết không được leo trèo bàn ghế, lan can.</p>
<p>*MT 30: Biết tránh hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không nghịch các vật sắc nhọn.</p>	<p>- Trẻ biết không được nghịch các vật sắc nhọn</p>
<p>*MT 31: Biết tránh hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.</p>	<p>- Trẻ biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp</p>
<p>II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC :</p>	
<p>* MT 32: Quan tâm , hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi: Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng ; hay đặt câu hỏi về đối tượng</p>	<p>- Trẻ chú ý quan sát sự vật, hiện tượng ; hay đặt câu hỏi về đối tượng : Đây là cái gì ?”, “ Dùng để làm gì?”</p>
<p>* MT 33: Sử dụng các giác quan để quan sát, xem xét, tìm hiểu đối tượng</p>	<p>- Trẻ biết sử dụng các giác quan : mắt, tai, mũi,...để nhìn, nghe, ngửi, sờ... nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng: gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 1 (hoặc 2) con vật/cây.....</p>
<p>* MT 34: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.</p>	<p>- Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới nước để theo dõi và so sánh sự phát triển.... - Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>
<p>* MT 35: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo.</p>	<p>- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng : Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện về đối tượng.</p>
<p>* MT 36: Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.</p>	<p>- Trẻ biết cách phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật : Giống nhau- khác nhau về (màu sắc, kích thước, hình dạng...)</p>

<p>* MT 37: Nhận ra được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi</p>	<p>- Trẻ có thể nhận ra được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi : Cho thêm đường thì nước ngọt, cho thêm muối thì nước mặn, cây héo vì không được tưới nước.</p>
<p>* MT 38: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo</p>	<p>- Trẻ mô tả được những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo: đặc điểm, cấu tạo, âm thanh, mùi hương, vận động, nơi hoạt động,... của một số đồ vật, động vật, thực vật, PTGT,....</p>
<p>* MT 39: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình,...</p>	<p>- Trẻ thể hiện được một số điều quan sát được qua các hoạt động : Trẻ biết thể hiện các vai chơi: Kỹ sư, cô giáo, bác sỹ, bệnh nhân, người bán hàng, ; Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản...</p>
<p>* MT 40: Nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện với người khác.</p>
<p>* MT 41 : Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình</p>	<p>- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.</p>
<p>* MT 42: Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<p>- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình: số nhà, tên phố/đường,... nơi trẻ đang sinh sống khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>
<p>* MT 43: Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện</p>	<p>- Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>
<p>* MT 44: Kể tên và nói được, sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng khi được hỏi, xem tranh</p>	<p>- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm, ích lợi của một số nghề: nghề nông, nghề xây dựng, bác sỹ, giáo viên.... khi được hỏi, xem tranh.</p>
<p>* MT 45: Kể tên biết một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, Tết thiếu nhi 1- 6,...qua trò chuyện, tranh ảnh; lễ hội của địa phương.</p>	<p>- Trẻ nói được tên một số lễ hội qua trò chuyện, tranh ảnh : Lễ khai giảng, Tết trung thu, Tết Nguyên đán, tết thiếu nhi 1- 6,...; lễ hội của địa phương : Lễ hội Đền Trần, hội Phủ dầy ,.....</p>
<p>* MT 46: Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương</p>	<p>- Trẻ nói được tên một số danh lam thắng cảnh ở địa phương: Hồ Vị Xuyên, Tượng đài Trần Hưng Đạo, Đền Trần, chùa Tháp,.....</p>

* MT 47: Quan tâm đến số lượng và đếm: hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm: hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng trong các hoạt động.
* MT 48 : Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
* MT 49: So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ : bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.
* MT 50 : Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Trẻ biết gộp hai nhóm để tạo thành nhóm mới và biết đếm số lượng của nhóm mới tạo thành trong phạm vi 5.
* MT 51: Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm
* MT 52: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản(mẫu) và sao chép lại	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại: Trẻ biết xếp tương ứng 1- 1, xếp xen kẽ dưới dạng ABAB theo hình dạng, màu sắc, kích thước....
* MT 53: So sánh chiều dài của 2 đối tượng nói được từ : dài hơn- ngắn hơn	- Trẻ biết so sánh chiều dài của 2 đối tượng nói được từ : dài hơn- ngắn hơn
* MT 54: So sánh chiều rộng của 2 đối tượng nói được từ : rộng hơn – hẹp hơn	- Trẻ biết so sánh chiều rộng của 2 đối tượng nói được từ : rộng hơn – hẹp hơn
* MT 55: So sánh chiều cao của 2 đối tượng nói được từ : cao hơn – thấp hơn	- Trẻ biết so sánh chiều cao của 2 đối tượng nói được từ : cao hơn – thấp hơn
* MT 56: So sánh độ lớn của 2 đối tượng nói được từ : to hơn – nhỏ hơn	- Trẻ biết so sánh độ lớn của 2 đối tượng nói được từ : to hơn – nhỏ hơn
* MT 57: Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Trẻ nhận biết và gọi tên các hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật, nhận dạng các hình đó trong thực tế ; biết sử dụng các hình để ghép.

* MT 58: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Trẻ nhận biết và nói được các từ: phía trước- phía sau, phía trên- phía dưới và có hành động để chỉ vị trí đối tượng trong không gian so với bản thân
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ :	
* MT 59: Thực hiện được các yêu cầu đơn giản	- Trẻ chú ý lắng nghe, hiểu và làm theo yêu cầu, ví dụ : Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ, lấy các hình tam giác ra
* MT 60: Hiểu nghĩa từ khái quát, gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả,...	- Trẻ hiểu nghĩa các từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc: quần áo, đồ chơi, hoa quả,...
* MT 61: Lắng nghe và trả lời được các câu hỏi của người đối thoại	- Trẻ chú ý lắng nghe, hiểu và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?.....
* MT 62: Nói rõ các tiếng	- Trẻ phát âm các tiếng : Phát âm đúng và rõ ràng, nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
* MT 63: Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Trẻ sử dụng được các từ thông dụng mô tả sự vật, hoạt động, đặc điểm của đối tượng.
* MT 64: Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trẻ biết sử dụng câu đơn, câu ghép: + Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn , câu mở rộng. + Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi: Ai?, Cái gì?, Ở đâu?, Khi nào?.....
* MT 65: Kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân. Trẻ kể lại thông qua các câu hỏi: Đi đâu?, Đi với ai?, Đi khi nào?, Đi làm gì?,...
* MT 66: Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao.	- Trẻ biết tên, đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao.
* MT 67: Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Trẻ kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. Mô tả sự vật , tranh ảnh có sự giúp đỡ, thể hiện cử chỉ, nét mặt, điệu bộ phù hợp.
* MT 68: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	- Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện, đóng vai theo lời dẫn chuyện của GV.
* MT 69: Sử dụng các từ : ‘Vâng ạ’ “Dạ” “Thưa” trong giao tiếp	- Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép để giao tiếp với mọi người như “tạm biệt”, “Xin chào” “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”,... phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh. Không nói tục, chửi bậy

* MT 70 : Nói đủ nghe, không nói lí nhí	- Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí, âm lượng phù hợp hoàn cảnh.
* MT 71 : Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh	- Trẻ thể hiện sự thích thú với sách, đọc, kể chuyện, biết đề nghị người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về truyện được nghe; tự giở sách xem tranh : cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh ; xem và nghe đọc các loại sách khác nhau; biết hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới , đọc ngắt nghỉ sau các dấu; biết giữ gìn sách .
* MT 72 : Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Trẻ biết xem tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh.
* MT 73 : Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	- Trẻ thích vẽ “viết” nguệch ngoạc, biết hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới ; hướng viết của các nét chữ.
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
* MT 74 : Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trẻ nói được những thông tin cơ bản của mình: tên, tuổi, giới tính.
* MT 75 : Nói được điều bé thích, không thích.	- Trẻ thể hiện được những điều mình thích/ không thích. Ví dụ: Con thích cái ô tô kia vì nó có màu đỏ/ vì nó đẹp. - Trẻ biết nêu, lựa chọn trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân khi cô gợi ý.
* MT 76 : Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Trẻ thể hiện sự tự tin, hứng thú, tích cực, mạnh dạn tham gia vào các hoạt động và trả lời các câu hỏi.
* MT 77 : Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	- Trẻ vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối “Ví dụ: Cô giao cho trẻ phát bút màu cho các bạn, xếp đồ chơi, chỉ giấy vẽ,... ” - Không tỏ ra chán nản trong quá trình thực hiện.
* MT 78 : Nhận ra cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh ảnh
* MT 79 : Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Trẻ biết biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt , cử chỉ , giọng nói qua các hoạt động: trò chơi , hát, vận động, nghe kể chuyện....
* MT 80 : Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Trẻ xem những hình ảnh về bác Hồ qua phim tư liệu, tranh ảnh , câu chuyện,... từ đó nhận ra hình ảnh Bác.

* MT 81 : Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ, từ đó kính yêu Bác Hồ.
* MT 82 : Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, vâng lời bố mẹ ; Giáo dục trẻ chơi hòa thuận với bạn, không tranh giành đồ chơi ; Nhận biết hành vi, “đúng- sai”, “ tốt- xấu” .
* MT 83 : Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	- Trẻ có cử chỉ, lời nói lễ phép: chào hỏi, biết cảm ơn khi người khác giúp đỡ, xin lỗi khi mình mắc lỗi,...
* MT 84 : Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, hiệu lệnh của cô và lời nói của bạn: Khi giao tiếp, trẻ nhìn người đối diện và không cắt ngang lời người đang nói.
* MT 85 : Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Trẻ có thể cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ, đoàn kết, biết nhường nhịn, giúp đỡ bạn trong quá trình chơi: chơi nấu ăn, chơi lô tô, chơi xếp hình, chơi tự do...
* MT 86 : Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Trẻ hứng thú khi được tham gia các hoạt động khám phá về cảnh vật thiên nhiên: hoạt động ngoài trời, xem tranh ảnh, xem video,..... - Biết bảo vệ, thích chăm sóc cây : tưới cây, nhổ cỏ...và con vật.
* MT 87 : Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Trẻ có ý thức không vứt rác bừa bãi, bỏ đúng nơi quy định, giữ gìn Vệ sinh môi trường.
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
* MT 88 : Trẻ vui sướng , vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Trẻ thích thú, reo lên, xuýt xoa trước khi ngắm nhìn cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh, của cây cỏ hoa lá. - Trẻ lắng nghe một cách thích thú tiếng âm thanh xung quanh trẻ như tiếng các con vật(tiếng chim, hót), tiếng các dụng cụ âm nhạc (đàn, sáo), tiếng của thiên nhiên(tiếng gió thổi)
* MT 89 : Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc ; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện	- Trẻ hứng thú nghe hát, học hát, thể hiện cảm xúc trong hoạt động giáo dục âm nhạc: vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện
* MT 90 : Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật(- Trẻ thể hiện sự yêu thích khi được sờ, ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật(màu sắc, hình dáng...)

màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	
* MT 91 : Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Trẻ hát đúng lời ca, giai điệu của bài hát
* MT 92 : Vận động theo nhịp điệu bài hát , bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Trẻ biết vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc: vỗ tay (sử dụng các dụng cụ gõ đệm) theo phách, nhịp, vận động minh họa.
* MT 93 : Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm đơn giản có sự giúp đỡ của cô giáo, người lớn.
* MT 94 : Trẻ biết vẽ các nét thẳng , xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh đơn giản: vẽ nét thẳng, nét xiên, ngang, tạo ô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền
* MT 95: Trẻ biết cách và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng xé- dán: xé theo dải , xé vụn, phết hồ, dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
* MT 96: Trẻ biết cách lăn dọc , xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng nặn: lăn dọc , xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.
* MT 97: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng : xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
* MT 98: Nhận xét các sản phẩm tạo hình	- Trẻ biết và nói lên nhận xét của mình về màu sắc, đường nét, bố cục,... của sản phẩm tạo hình
* MT 99: Vận động theo ý thích các bài hát , bản nhạc quen thuộc.	- Trẻ thích thú vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
* MT 100 : Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng tạo hình : vẽ, nặn, xé- dán,... để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
* MT 101 : Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình: bức tranh, hình nặn, hình xé dán, in vân tay ...của mình

2.3. Khối Mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi): 115 mục tiêu

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* MT 1: - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,4- 23,5 kg +Trẻ gái: 13,8- 23,2 kg	Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp : - Năng lượng : 1470kcal/1 trẻ/ 1 ngày(trong đó ở trường mầm non cần cung cấp : 735 - > 882 kcal/ 1 ngày/ 1 trẻ)

<p>- Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7- 119,1cm + Trẻ gái: 99,5- 117,2 cm</p>	<p>- Số bữa ăn 1 : 1 bữa chính - 1 bữa phụ - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng cần được cân đối : chất đạm (P) cung cấp 15%, chất béo(L)cung cấp 25%, chất bột (G)cung cấp 60% - Nước uống : Khoảng 1,6 -> 2 lít/ngày/ 1 trẻ</p>
<p>* MT 2:Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<p>Các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp : Hô hấp,Tay, lưng bụng, chân, bật.</p>
<p>* MT 3: Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn; Đi liên tục được trên ghế TD.</p>	<p>- Đi liên tục được trên ghế TD: Trẻ có thể đi thẳng bằng được trên ghế thể dục : bước 1 chân lên ghế, chân kia thu lên theo , 2 tay chống hông hoặc dang ngang giữ thẳng bằng bước đi đến hết ghế, dừng lại bước xuống đất. Khi đi đầu không cúi, người giữ thẳng. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn: Trẻ có thể giữ được thẳng bằng cơ thể khi đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn : bàn chân luôn bước đúng trên đường kẻ , 2 tay chống hông hoặc để tự nhiên bước đi đến hết đường và quay lại đi trở về vị trí ban đầu. Khi đi đầu không cúi, người giữ thẳng.</p>
<p>* MT 4: Bật bật xa 35-40cm; Bật chụm chân liên tục vào 5 ô; Bật tách, khép chân qua 5 ô.</p>	<p>- Bật bật xa 35-40cm: Chân đứng tự nhiên, đầu gối hơi khuỵu, đưa tay từ trước ra sau, dùng sức của chân bật mạnh về phía trước, chạm đất nhẹ bằng 2 chân (từ mũi chân đến cả bàn chân), tay đưa ra trước để giữ thẳng bằng. - Bật chụm chân liên tục vào 5 ô : đứng chụm chân trước vạch xuất phát, 2 tay chống hông để giữ thẳng bằng rồi bật chụm chân qua từng vạch kẻ hoặc vào từng vòng cho đến hết, sao cho không giảm vào vạch hoặc vòng. - Bật tách, khép chân qua 5 ô: đứng chụm chân trước vạch xuất phát , 2 tay chống hông, nhảy chụm chân vào ô thứ nhất, tách 2 chân vào ô thứ 2, tiếp tục cho đến hết, sao cho không giảm vào vạch hoặc vòng.</p>
<p>* MT 5: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m</p>	<p>- Trẻ có thể giữ được thẳng bằng cơ thể khi đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m: Đứng tự nhiên, từng chân bước đi lùi lại phía sau, 2 tay chống hông hoặc dang ngang để giữ thẳng bằng</p>
<p>* MT 6: Đi/chạy thay đổi hướng theo</p>	<p>- Trẻ có thể kiểm soát khi thực hiện được vận</p>

tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)	động: Đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đường đích dắc
* MT 7: Tung bắt bóng với người đối diện. Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)	- Trẻ có thể phối hợp tay – mắt trong vận động: Tung bắt bóng với người đối diện. Trẻ biết tung và đón bắt bóng bằng 2 tay . Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)
* MT 8: Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m).	- Trẻ đứng chân trước chân sau, tay cầm bóng (túi cát) cùng phía chân sau đưa ngang tầm mắt, nhắm đích và ném vào đích thẳng đứng(xa 1,5m x cao 1,2m).
* MT 9: Tự đập, bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp,	- Trẻ có thể phối hợp tay – mắt trong vận động: Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. Đứng chân rộng bằng vai , cầm bóng bằng 2 tay, đập bóng xuống sàn phía trước mũi bàn chân và bắt bóng khi nảy lên
* MT 10: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.	- Trẻ phối hợp chân tay nhịp nhàng chạy theo
* MT 11: Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m)	- Trẻ đứng chân trước chân sau, tay cầm bóng (túi cát) cùng phía chân sau đưa ngang tầm mắt, nhắm đích và ném vào đích nằm ngang (xa 2m)
* MT 12: Bò trong đường đích dắc (qua 3-4 điểm,cách nhau 2m), không chệch ra ngoài.	- Trẻ bò bằng bàn tay, căng chân, phối hợp chân nọ, tay kia bò trong đường đích dắc (qua 3-4 điểm,cách nhau 2m), không chệch ra ngoài.
* MT 13: Thực hiện được các vận động + Cuộn- xoay tròn cổ tay. + Gập, mở các ngón tay.	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn- xoay tròn cổ tay. + Gập, mở các ngón tay
* MT 14: Vẽ hình người, nhà ,cây.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động: Vẽ hình người, nhà ,cây.
* MT 15: Cắt thành thạo theo đường thẳng.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động: Cắt thành thạo theo đường thẳng.
* MT 16: Xây dựng, lắp ráp với 10- 12 khối.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động lắp ghép với 10- 12 khối.
* MT 17: Biết tết sợi đôi.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động tết sợi đôi.
* MT 18: Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt để tự cài, cởi cúc,

	buộc dây giày.
* MT 19: Biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá.. có nhiều chất đạm. + Rau ,quả chín giàu vitamin. + Dầu ăn, lạc, mỡ động vật.... giàu chất béo . + Gạo, khoai, ngô.... Chứa nhiều chất bột đường
* MT 20: Nói được tên 1 số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Trẻ nói được tên món ăn đơn giản: cơm, cháo thịt, phở, rau muống xào, thịt rang, trứng rán... - Trẻ nói được một số dạng chế biến đơn giản : rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc- rán- kho, gạo nấu cơm- nấu cháo...
* MT 21: Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để đủ chất dinh dưỡng.	- Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để phát triển cao lớn, khoẻ mạnh thông minh: ăn thức ăn có chứa chất đạm : thịt, cá, trứng,..., chất béo: dầu, mỡ, vừng, lạc,...; Vitamin: rau, củ, quả; ...; Bột đường: gạo, ngô,... Không ăn , uống một số loại thức ăn có hại cho sức khỏe như thức ăn ôi thiu, nước lã...
* MT 22: Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.
* MT 23 : Tự cầm bát, thìa, xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn: cơm, canh, cháo,...gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.
* MT 24 : Có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau,... + Không uống nước lã.
* MT 25: Vệ sinh răng miệng, ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh, đi dép đi giày khi đi học.	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh, đi dép đi giày khi đi học.
* MT 26: Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	- Trẻ có một số hành vi tốt: biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...
* MT 27: Đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định.	- Trẻ biết đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định.
* MT 28: Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng,...là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn	- Trẻ nhận ra và không nên đến gần những vật gây nguy hiểm: bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng,..; biết không nên nghịch các vật sắc, nhọn.

không nên nghịch.	
* MT 29: Nhận ra, không chơi gần ở những nơi nguy hiểm.	- Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, ruộng, giếng, bụi rậm,...là nơi nguy hiểm không được chơi gần.
* MT 30: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.	- Trẻ nhận biết 1 số hành động nguy hiểm: không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt để bị hóc sặc.
* MT 31: Biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ; không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi chưa được phép của người lớn.	- Trẻ nhận biết và không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu; không ăn lá, quả lạ để bị ngộ độc; không uống rượu, bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi chưa được phép của người lớn.
* MT 32: Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Trẻ biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
* MT 33: Biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu.	- Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và biết gọi người lớn khi gặp 1 số trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu.
* MT 34: Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và biết gọi người lớn người giúp đỡ khi bị lạc; nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
*MT 35: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng : Vì sao cây lại héo?, Vì sao lá cây bị ướn?”	- Trẻ quan tâm, thích khám phá về sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý của cô giáo, hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh: Tại sao...?, Vì sao....?
* MT 36: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm,... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Trẻ biết phối hợp các giác quan (mắt, mũi, miệng,...) để quan sát, xem xét và thảo luận đặc điểm của đối tượng.
* MT 37: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Trẻ có thể làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: + Pha màu, pha đường, pha muối... + Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.... + Trẻ thí nghiệm vật chìm - nổi, chơi nhót không

	khí vào túi...
* MT 38: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau : Xem sách, tranh ảnh, video, nhận xét và trò chuyện .
* MT 39: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu .	- Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu: + Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng + Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác .
* MT 40: Nhận xét được 1 số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.VD : Cho thêm đường hoặc muối thì nước sẽ ngọt hoặc mặn hơn.
* MT 41: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Trẻ có thể giải quyết vấn đề đơn giản.VD: Làm ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn,...
* MT 42: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Trẻ biết quan sát và đưa ra ý kiến của mình về sự giống và khác nhau của đối tượng
* MT 43: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình .	- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình : Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai; Hát các bài hát; Vẽ, xé, dán nặn các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời...
* MT 44: Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi : Bao nhiêu ? ; là số mấy ?...	- Trẻ quan tâm đến chữ số: đếm các vật xung quanh, hỏi người xung quanh về số lượng đồ vật,...
* MT 45: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.
* MT 46: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ : bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn..

* MT 47: Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Trẻ biết cách gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả: 2 thêm 1 là 3, 3 thêm 2 là 5,....
* MT 48: Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Trẻ biết cách tách 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả: Ví dụ: nhóm có 3 và 2 ; nhóm có 1 và 4 ,... nói được nhóm nào có nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau
* MT 49: Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự .
* MT 50: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Trẻ biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...)
* MT 51: Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại .	-Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp 3 đối tượng theo quy luật.VD: 1 ô tô- 1 xe máy- 1 xe đạp và lặp lại; 1 quả cam-1 quả táo- 1 quả chuối và lặp lại.
* MT 52: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Trẻ có thể sử dụng được dụng cụ để đo độ dài (băng giấy, đoạn dây, thước đo,...), đo dung tích (thìa, phễu, cốc...) của 2 đối tượng, nói được kết quả đo và so sánh .
* MT 53: Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình.	- Trẻ biết quan sát, nói được các điểm giống và khác nhau giữa 2 hình: hình tròn - hình vuông, hình tam giác- hình chữ nhật, hình vuông- hình tam giác, hình vuông- hình chữ nhật...
* MT 54: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau: đất nặn, giấy, bìa, que ... để tạo ra các hình đơn giản: hình tròn, hình vuông, chữ nhật, tam giác.
* MT 55: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Trẻ biết dùng lời nói của mình để diễn tả hành động để chỉ vị trí của đồ vật: Phía trên- phía dưới; phía trước- phía sau; phía phải- phía trái so với người khác
* MT 56: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Trẻ biết diễn tả lại các sự kiện, hoạt động xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày: buổi sáng, trưa, chiều, tối.
* MT 57: Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ có thể nói được họ và tên, tuổi, giới tính của mình với người xung quanh khi được hỏi, trò chuyện.
* MT 58: Nói họ, tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình	- Trẻ nói được họ, tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện,

khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	xem ảnh về gia đình.
* MT 59: Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.
* MT 60: Nói tên, địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ nói được tên, địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện: Lớp....- Trường MN Sao Vàng- Địa chỉ: Đường Trần Đăng Ninh- TP. Nam Định.
* MT 61: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo (dạy các con học, chơi,...) và các bác công nhân viên trong trường (bác bảo vệ, lao công, nấu ăn) khi được hỏi, trò chuyện
* MT 62: Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện (tên, giới tính, ...)
* MT 63: Kể tên công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của 1 số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ có thể kể tên, nói được một số hoạt động chính, công cụ và sản phẩm của một số nghề gần gũi và phổ biến: giáo viên, bác sĩ, thợ may, người bán hàng, thợ xây, lái xe, công an, bộ đội,...
* MT 64: Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Trẻ kể tên được một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết trung Thu, Tết Nguyên đán, tết thiếu nhi 1/6....) hoặc 1 số ngày hội của quê hương Nam Định : hội đền Trần, hội Phủ Giầy, chợ Viêng,...
* MT 65: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Trẻ nói được tên, đặc điểm của một số cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương: Chùa Tháp, Đền Trần, Chợ Viêng, Phủ Giầy, Hồ Vị Xuyên, Tượng đài Trần Hưng Đạo
III- LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ :	
* MT 66: Thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp	- Trẻ chú ý lắng nghe và thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp . ví dụ: Con hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng; con hãy cất cái vòng thể dục vào góc vận động;...
* MT 67: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Trẻ hiểu nghĩa các từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, đồ dung trong gia đình
* MT 68: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Trẻ chú ý lắng nghe và trò chuyện với người khác.

* MT 69: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Trẻ biết nói đủ câu, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
* MT 70: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...như: con bướm vàng đang bay, con thỏ ăn cà rốt, ...
* MT 71: Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định như: con ăn cơm rồi ạ!, con thích chơi với bạn A,...
* MT 72: Kể lại sự việc theo trình tự.	- Trẻ biết diễn tả và kể lại các sự việc theo một trình tự từ đầu đến cuối
* MT 73: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Trẻ nói được tên, thuộc và đọc rõ ràng, đúng nhịp điệu bài thơ , đồng dao, ca dao
* MT 74: Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Trẻ có thể kể chuyện có mở đầu, kết thúc.
* MT 75: Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	- Trẻ bắt chước được giọng nói điệu bộ, cử chỉ của nhân vật trong chuyện qua hoạt động đóng kịch.
* MT 76: Sử dụng các từ như: “Mời cô”, “Mời bạn”, “Cảm ơn”, “Xin lỗi” trong giao tiếp.	- Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép để giao tiếp với mọi người như “Tạm biệt”, “Xin chào” “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng” phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh. Không nói tục, chửi bậy
* MT 77: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở: biết cúi mặt giọng nói nhỏ đi khi có lỗi; không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt,...
* MT 78: Chọn sách để xem.	- Trẻ biết chọn sách để xem: chọn sách mình thích, chọn sách đúng chủ đề, chọn sách dưới sự gợi ý của người khác...
* MT 79: Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh: nhân vật chim sơn ca đang hót thì trẻ biết giả hành động của nhân vật đó...
* MT 80: Cầm sách đúng chiều và gỡ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vệt)	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và gỡ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vệt); biết “Đọc” theo hướng: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới , đọc ngắt nghỉ sau các dấu; phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách ; biết giữ gìn, bảo vệ sách .

* MT 81: Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: kí hiệu nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm, một số biển báo giao thông...
* MT 82: Sử dụng kí hiệu để “viết”.	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, vé tàu, thiệp chúc mừng... biết “viết” theo hướng: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới ; hướng viết của các nét chữ.
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
* MT 83: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Trẻ nói được những thông tin cơ bản của cá nhân và gia đình như: Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình; Giới tính của mình.
* MT 84: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé có thể làm được .	- Trẻ nói được những điều mình thích và không thích (VD: Con thích đi chơi, ăn kem...) - Kể được những việc mà mình có thể làm được (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, hoặc hát bài hát ..., đánh răng rửa mặt...)
* MT 85: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Trẻ biết sở thích của mình và tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
* MT 86: Cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Trẻ vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối và cố gắng hoàn thành tốt công việc được giao: trực nhật, tự giác cất dọn đồ chơi sau khi chơi xong, dọn bàn ghế cùng cô, dải chiếu, cất đệm, hoàn thành sản phẩm tạo hình
* MT 87: Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Trẻ biết nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
* MT 88: Biết biểu lộ một số cảm xúc.	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi , hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
* MT 89: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ qua tranh ảnh, video, miêu tả...
* MT 90: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về bác Hồ	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ: đọc thơ, hát về Bác Hồ ,Xem tranh ảnh, kể chuyện về Bác cùng cô.

* MT 91: Biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội quê hương đất nước.	- Trẻ biết một số lễ hội , cảnh đẹp đặc trưng nổi tiếng của Nam Định như Đền Trần, phủ Giày, chùa Tháp, Hồ vị xuyên...; của đất nước: Thủ đô Hà Nội, chùa Một Cột,....
* MT 92: Thực hiện được 1 số quy định ở lớp và gia đình.	- Trẻ biết thực hiện được 1 số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi đúng nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà bố mẹ...; Nhận biết hành vi, “đúng- sai”, “ tốt- xấu” .
* MT 93: Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
* MT 94: Chú ý nghe khi cô , bạn nói.	- Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói: Khi giao tiếp, trẻ nhìn người đối diện và không cắt ngang lời người đang nói.
* MT 95: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở: xếp hàng lần lượt chơi cầu trượt, lấy đồ ăn,
* MT 96: Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.	- Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn, đoàn kết, biết nhường nhịn, giúp đỡ bạn trong quá trình chơi để cùng thực hiện hoạt động chung: hoạt động trong góc chơi, hoạt động nhóm, trò chơi tập thể...
* MT 97: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Trẻ hứng thú khi được tham gia các hoạt động khám phá về cảnh vật thiên nhiên: hoạt động ngoài trời, xem tranh ảnh, xem video,..... - Biết bảo vệ, thích chăm sóc cây : tưới cây, nhổ cỏ....và con vật.
* MT 98: Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Trẻ có ý thức không vứt rác bừa bãi,bỏ đúng nơi quy định, giữ gìn Vệ sinh môi trường.
* MT 99: Không bẻ cành, ngắt hoa.	- Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc cây, không bẻ cành, ngắt hoa.
* MT 100: Không được tràn nước khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Trẻ biết tiết kiệm năng lượng: không được để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng .
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
* MT 101: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	Trẻ có những biểu hiện: - Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh. - Nói lên xúc của mình khi nghe bài hát, bản nhạc, tiếng chim hót,....

	- Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve con vật ...
* MT 102: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện.	- Trẻ chú ý nghe, hứng thú hát, vỗ tay, nhún nhảy... thể hiện cảm xúc theo bài hát, bản nhạc - Có thái độ thích thú khi nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể truyện.
* MT 103: Thích thú, ngắm nhìn chi, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,..) của các tác phẩm tạo hình	- Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cắt cẩn thận sản phẩm.
* MT 104 : Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Trẻ hát đúng lời ca, giai điệu của bài hát . Nhận ra giai điệu (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc , từ đó thể hiện sắc thái của bài hát.
* MT 105 : Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa) phù hợp với nhịp điệu, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc.
* MT 106 : Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Trẻ biết sử dụng, phối hợp các vật liệu khác nhau (giấy màu, bút sáp, đất nặn, keo dán...) để tạo ra sản phẩm tạo hình.
* MT 107 : Vẽ phối hợp các nét thẳng, nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Trẻ biết sử dụng phối hợp các kỹ năng vẽ: vẽ nét thẳng, nét xiên, nét ngang, cong tròn tạo thành bức tranh và biết tô màu kín, không chừa ngoài đường viền các hình vẽ
* MT 108: Cắt, xé theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, cong, phối hợp các màu, phết hồ và dán thành sản phẩm có bố cục, màu sắc đẹp.
* MT 109: Làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Trẻ biết sử dụng kỹ năng nặn: lăn dọc, xoay tròn, làm lồi, dẹt... đất nặn để tạo ra sản phẩm
* MT 110: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách,... để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
* MT 111: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Trẻ biết nói nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng: màu đẹp, biết phối nhiều màu, hình dáng cân đối...

* MT 112: Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Trẻ biết lựa chọn và thể hiện một số hình thức vận động theo giai điệu nhịp điệu bài hát trong chủ đề(vỗ tay, VĐMH, múa)
* MT 113 : Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu bài hát	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ (trống, xắc xô, mõ...) để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu bài hát
* MT 114 : Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Trẻ nói được ý tưởng của mình: vẽ / nặn / xé dán cái gì? , Như thế nào?, Dùng nguyên vật liệu gì?. Tại sao làm như thế?... và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
* MT 115 : Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

2.4. Khối Mẫu giáo lớn (5-6 tuổi): 169 mục tiêu

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* MT 1 : - Cân nặng: + Trẻ trai: 15,9- 27,1 kg + Trẻ gái: 15,3- 27,8 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 106,1- 125,8cm + Trẻ gái: 104,9- 125,4 cm	Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp : - Năng lượng : 1230- 1320kcal/1 trẻ/ 1 ngày(trong đó ở trường mầm non cần cung cấp : 615- > 726kcal/ 1 ngày/ 1 trẻ - chiếm 50- 55% nhu cầu cả ngày) - Số bữa ăn tại cơ sở GDMN : 1 bữa chính và 1 bữa phụ - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng cần được cân đối : + Chất đạm (P) cung cấp 13% - 20%. + Chất béo (L) cung cấp 25% - 35%. + Chất bột (G) cung cấp 52% - 60% - Nước uống : Khoảng 1,6 -> 2 lít/ngày/ 1 trẻ (kể cả nước trong thức ăn)
* MT 2: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp	Các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp : Hô hấp, Tay, lưng bụng, chân, bật.
* MT 3: Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m	- Trẻ có thể đi lên, đi xuống trên ván dốc: Hai tay dang ngang hoặc chống hông để giữ thăng bằng bước lên, xuống ván dốc.
* MT 4: Đi thăng bằng được trên ghế TD (2m x 0,25m x 0,35m)	- Trẻ có thể đi thăng bằng được trên ghế thể dục . CSII : Chân phải (hoặc trái) bước lên ghế , bước đi đến hết ghế, dừng lại bước xuống đất. Khi đi đầu không cúi, người giữ thăng.
* MT 5: Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể	- Trẻ có thể thực hiện được vận động : Chân phải (hoặc trái) bước lên ghế , đặt vật lên trên đầu, bước đi đến hết

dục.	ghế, dừng lại bước xuống đất. Khi đi đầu không cúi, người giữ thẳng, đi trên ghế thể dục không làm rơi vật đang đội trên đầu.
*MT 6: Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.	- Trẻ có thể đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. - Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu CS9 : Trẻ đứng trên 1 chân, chân kia nâng lên cao, gập đầu gối ; hai tay chống hông hoặc dang ngang, nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
*MT 7: Nhảy được ở độ cao 40cm	- Trẻ có thể Nhảy được ở độ cao 40cm CS2 . : Bước lên bậc, đứng tự nhiên. Tay đưa từ sau ra trước đồng thời hơi khụy gối , nhún chân bật lên cao chạm đất bằng 2 đầu bàn chân, gối hơi khụy, tay đưa ra trước để giữ thăng bằng.
*MT 8: Bật xa 50cm	- Trẻ có thể “Bật xa 50cm” CS1 : Hai tay đưa ra phía trước, lẳng nhẹ xuống , ra sau đồng thời gối hơi khụy, nhún 2 chân bật qua vạch đối diện, đầu gối hơi khụy , tay đưa ra trước giữ thăng bằng.
*MT 9: Đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh(đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Trẻ có thể thực hiện được vận động : Đi, chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh(đổi hướng ít nhất 3 lần)
*MT 10: Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.	- Trẻ biết trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất CS4 : Hai tay cùng bám vào gióng thang thứ 3 , đặt 1 chân (phải hoặc trái) lên gióng thang đầu tiên, bước chân kia lên gióng thang tiếp theo kết hợp chân nọ tay kia trèo lên, xuống 7 gióng thang.
*MT 11: Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m).	- Trẻ biết bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m). CS3 : Biết cầm bóng bằng 2 tay , tung mạnh bóng lên cao, mắt nhìn theo bóng và bắt bóng bằng 2 tay.
*MT 12: Ném trúng đích nằm ngang(xa 2m- cao 1,5m)	- Trẻ đứng chân trước chân sau, tay cầm bóng (túi cát) cùng phía chân sau đưa ngang tầm mắt, nhắm đích và ném vào đích nằm ngang(xa 2m- cao 1,5m). Có thể ném bằng 1 tay hoặc 2 tay.
*MT 13: Ném trúng đích thẳng đứng(xa 2m- cao 1,5m)	- Trẻ đứng chân trước chân sau, tay cầm bóng (túi cát) cùng phía chân sau đưa ngang tầm mắt, nhắm đích và ném vào đích thẳng đứng(xa 2m- cao 1,5m). Có thể ném bằng 1 tay hoặc 2 tay.
*MT 14: Đập và bắt bóng bằng 2 tay	- Trẻ có thể đập và bắt bóng bằng 2 tay. CS10 : Đứng chân rộng bằng vai , cầm bóng bằng 2 tay, đập bóng

	xuống sàn phía trước mũi bàn chân và bắt bóng khi nảy lên
*MT 15: Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp	- Cầm bóng bằng 2 tay, chân bước lên 1 bước rồi ném nhẹ xuống đất cách mũi chân khoảng 25- 30cm, bắt bóng khi nảy lên, rồi lại bước tiếp và đập bóng xuống đất.
*MT 16: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.	- Trẻ có thể chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian, chạy phối hợp chân tay nhịp nhàng. CS13
*MT 17: Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 5-7 giây.	- Trẻ có thể chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 5-7 giây. CS12
*MT 18: Bò vòng qua 5-6 điểm zíc zắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Trẻ có thể bò vòng qua 5-6 điểm zíc zắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu
*MT 19: Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	Trẻ thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
*MT 20: Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.	- Trẻ biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.
*MT 21: Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu.	- Trẻ biết xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu.
*MT 22: Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.	- Trẻ biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
*MT 23: Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc mơ tuya.	- Trẻ biết tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc mơ tuya. CS5
*MT 24: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm	Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm theo nhóm : - Nhóm chất đạm : Thịt, cá, .. - Nhóm vitamin và chất khoáng : rau, quả. - Nhóm chất chất béo : dầu ăn, lạc, mỡ động vật.... - Nhóm chất bột đường ; gạo, khoai, ngô....
*MT 25: Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Kể được tên một số thức ăn thường có trong bữa ăn CS19 - Trẻ nói được cách chế biến 1 số món ăn đơn giản : rau có thể luộc, nấu canh ; thịt có thể luộc, rán, kho ; gạo nấu cơm, nấu cháo
*MT 26: : Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh, uống nhiều	- Biết ăn thức ăn giàu các chất đạm, béo, ...và không ăn , uống một số loại thức ăn có hại cho sức khỏe .

nước ngọt, nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	
*MT 27: Thực hiện được một số việc đơn giản	- Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.. CS 15 - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội nước cho sạch.
*MT 28: : Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Biết sử dụng ca, cốc, thìa , bát,...
*MT 29: Có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
*MT 30: Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày.	Trẻ có thể tự vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. CS16: Thường xuyên tự chải răng , không còn kem đánh răng sót lại trên bàn chải, tự rửa mặt.
*MT 31: Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ biết mặc quần áo phù hợp thời tiết
*MT 32: Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	- Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...
*MT 33: Che miệng khi ho, hắt hơi. CS 17	- Trẻ biết lấy tay che miệng khi ho , hắt hơi
*MT 34: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định
*MT 35: Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Trẻ biết bỏ rác vào thùng rác
*MT 36: Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là những vật dụng nguy hiểm và nói mỗi nguy hiểm khi đến gần CS21
*MT 37: Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm	- Tự nhận ra ít nhất 3 việc làm có thể gây nguy hiểm và không tham gia vào việc có thể gây nguy hiểm (Không nên nghịch các vật sắc, nhọn, chơi với lửa,...) CS22
* MT 38: Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Tự nhận ra nơi bẩn, sạch, nơi nguy hiểm - Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. CS23

<p>* MT 39: Nhận biết nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc. - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê. <u>CS20</u> - Biết hút thuốc lá có hại , không lại gần người hút thuốc lá và thể hiện thái độ không đồng tình khi thấy người hút thuốc lá . <u>CS26</u>
<p>*MT 40: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu .</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu <u>CS25</u>
<p>*MT41: Biết tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không đi theo , không nhận quà của người lạ <u>CS24</u> - Không cho người lạ bế ẵm, không ăn kẹo bánh, uống nước ngọt,của người lạ - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.
<p>*MT 42: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào
<p>* MT 43: Tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia hoạt động tích cực - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật,... <u>CS14</u>
<p>* MT 44: Biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng <u>CS18</u> + Trẻ biết tự mình biết chải đầu khi cần hoặc khi được cô giáo nhắc nhở - Tự chỉnh lại quần, áo khi bị xô, lệch và khi được cô giáo nhắc nhở
<p>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC :</p>	

<p>* MT 45: Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng</p>	<p>- Trẻ tò mò, thích khám phá sự vật, hiện tượng xung quanh CS 113</p> <p>+ Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới)</p> <p>+ Nhận ra về những thay đổi / mới xung quanh.</p> <p>+ Thích thử công dụng của sự vật</p> <p>+ Tháo lắp cấu tạo của sự vật</p> <p>+ Hay đặt câu hỏi “Tại sao?”, “Cái gì đây?”,...</p>
<p>* MT 46: Hay đặt câu hỏi</p>	<p>Trẻ hay đặt câu hỏi : CS112</p> <p>Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin về một sự vật – hiện tượng nào đó</p>
<p>*MT 47: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.</p>	<p>- Trẻ nói được hiện tượng và giải thích được dự đoán của mình CS95. Ví dụ : Trời nhiều mây đen-> sắp mưa,...</p>
<p>* MT 48: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p> <p>- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật, 1 số HTTN CS 93:</p> <p>+ Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh.</p> <p>+ Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.</p> <p>+ Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng....</p>
<p>* MT 49: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.</p>	<p>- Trẻ có thể làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.</p> <p>VD :</p> <p>+ Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển....</p> <p>+ Trẻ chơi chìm - nổi, chơi nhót không khí vào túi...</p>
<p>* MT 50: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau</p>	<p>- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau : Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.</p>
<p>* MT 51: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.</p>	<p>Phân loại được một số đồ dùng theo công dụng, chất liệu CS96:</p> <p>+ Nói được công dụng và chất liệu của một số đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> + Xếp và gọi tên đúng đồ dùng theo công dụng, chất liệu. - Gọi tên nhóm, cây cối, con vật theo đặc điểm chung <u>CS 92:</u> + Trẻ phân được theo nhóm những con/cây theo một dấu hiệu chung (đặc điểm cấu tạo, nơi sống,...). + Nói được tên nhóm. - Loại 1 đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. <u>CS 115:</u> + Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những đối tượng còn lại. + Giải thích đúng lí do loại bỏ đối tượng khác biệt đó.
<p>* <u>MT 52:</u> Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. VD : Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi, cho thêm đường, muối nên nước ngọt, mặn....(Làm thí nghiệm) - Giải thích được mối quan hệ, nguyên nhân, kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày <u>CS114:</u> + Phát hiện ra hiện tượng + Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó + Giải thích bằng mẫu câu “ Tại vì...nên...”
<p>* <u>MT 53:</u> Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau VD : Làm ván dốc hơn để ô tô chạy nhanh hơn...
<p>* <u>MT 54:</u> Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể quan sát và đưa ra ý kiến của mình về sự giống và khác nhau của đối tượng
<p>* <u>MT 55:</u> Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động vui chơi, âm nhạc và tạo hình .</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề Gia đình, trường học, bệnh viện; Mô phỏng vận động/di chuyển/dáng điệu các con vật. - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất. - Vẽ, xé, dán nặn các con vật, cây mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất.
<p>* <u>MT 56:</u> Quan tâm đến các con số thích nói về số lượng và đếm, hỏi : Bao nhiêu ? ; Đây là mấy ?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm đến các con số: thích nói về số lượng và đếm, hỏi : Bao nhiêu ? ; Đây là mấy ?

<p>* MT 57: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p>	<p>- Trẻ có thể đếm theo khả năng của mình trong phạm vi 10 - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 CS 104: + Đếm và nói đúng số lượng trong phạm vi 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) + Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được</p>
<p>* MT 58: So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất</p>	<p>- Trẻ biết so sánh 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất</p>
<p>* MT 59: Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm .</p>	<p>- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói kết quả(Tất cả có bao nhiêu ?)</p>
<p>* MT 60: Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau</p>	<p>- Tách 10 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau CS105 .(Ví dụ: nhóm có 3 và 7 hạt và nhóm có 5 và 5 hạt v..v..) + Nói được nhóm nào có nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau</p>
<p>* MT 61: Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự</p>	<p>- Trẻ có thể nhận biết và sử dụng các số từ 5-10 để chỉ số lượng, số thứ tự</p>
<p>* MT 62: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày</p>	<p>- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày VD : - Gia đình bé có 4 người thì cần có 4 cái bát ăn cơm, 4 đôi đũa... - Thứ hai là ngày bao nhiêu, tháng mấy...</p>
<p>* MT63: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu</p>	<p>- Trẻ biết sắp xếp đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. VD : xếp 1 bông hoa đỏ- 1 bông hoa vàng lại đến 1hoa đỏ-1 hoa vàng...</p>
<p>* MT 64: Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại</p>	<p>- Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...) - Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. - Nói tại sao lại sắp xếp như vậy CS116</p>
<p>* MT 65: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp</p>	<p>- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. VD : xếp 1 bông hoa đỏ- 2 bông hoa vàng lại đến 1hoa đỏ-2 hoa vàng...</p>
<p>* MT 66: Sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả</p>	<p>- Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đong và so sánh, nói kết quả đo (đo nước bằng thìa, phễu, cốc... vào chai, lọ,và so sánh nói kết quả)</p>

	<p>- Trẻ biết cách đo độ dài và nói KQ đo <u>CS 106:</u> + Đặt thước đo liên tiếp. + Nói đúng kết quả đo (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước)</p>
<p>* <u>MT 67:</u> Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.</p>	<p>- Chỉ ra được khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật theo yêu cầu <u>CS 107 :</u> + Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. + Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình học theo yêu cầu (ví dụ: quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v..v..)</p>
<p>* <u>MT 68:</u> Sử dụng lời nói và hành động chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn</p>	<p>- Xác định được vị trí (Trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác <u>CS108 :</u> + Nói được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái)của một vật so với một vật khác trong không gian. + Sắp xếp vị trí của sự vật theo yêu cầu</p>
<p>* <u>MT 69:</u> Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm</p>	<p>- Nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm. <u>CS94:</u> + Trẻ nói được tên các mùa và đặc điểm đặc trưng của mùa - Gọi được tên các ngày trong tuần theo thứ tự <u>.CS 109</u></p>
<p>*<u>MT 70:</u> Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.</p>	<p>- Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày. <u>CS110 :</u> + Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy. + Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì</p>
<p>* <u>MT 71:</u> Nói ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ</p>	<p>- Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì. - Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v..v..) <u>CS111</u></p>
<p>* <u>MT 72:</u> Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện</p>	<p>- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của mình khi được hỏi, trò chuyện</p>
<p>* <u>MT 73:</u> Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình</p>	<p>- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày, nơi làm việc của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình</p>

* MT 74: Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) số điện thoại(nếu có) khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) số điện thoại(nếu có) khi được hỏi, trò chuyện
* MT 75: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Nói được tên trường, lớp và đặc điểm nổi bật của chúng khi được hỏi, trò chuyện. VD : cháu học lớp 5A- trường mầm non Sao Vàng, lớp cháu có 2 cô giáo,.....
* MT 76: Kể được một số địa điểm công cộng nơi trẻ sống.	- Kể hoặc trả lời một số địa điểm công cộng nơi trẻ sống: Nơi mua sắm, khám bệnh CS97
* MT 77: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ nói được tên của các cô giáo, các cô cấp dưỡng, bác làm vệ sinh, bảo vệ và công việc : Các bác bảo vệ coi xe cho bố mẹ cháu, cô giáo dạy con đọc thơ, hát,
* MT 78: Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. VD : Bạn ấy tên là Mai, bạn ấy hát hay, bạn ấy chạy nhanh....
* MT 79: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	- Kể được 1 số nghề phổ biến nơi trẻ sống CS 98: - Nói được sự khác nhau của một số nghề : nghề giáo viên- nghề bộ đội.....
* MT 80: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội .	- Ngày khai giảng trường chúng cháu có các bạn múa hát... - Nói : “Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên... - Ngày 20/10 : Ngày Phụ nữ Việt Nam, Ngày 8/3 : Ngày quốc tế phụ nữ - tặng hoa, quà cho bà, mẹ, cô - Ngày 20/11 là ngày Nhà giáo VN ; Ngày 22-12 là ngày TLQĐNDVN ;....
* MT 81: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Nước Việt Nam có thủ đô Hà Nội, Tháp Rùa, Văn Miếu, Lăng Bác,... - Quê cháu có Đền Trần, chùa Tháp, Hồ vị Xuyên-Tượng đài Trần Hưng Đạo ...
* MT 82: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình	- Trẻ thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình: CS118 + Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ + Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn .

	+ Đạt được yêu cầu của công việc
* MT 83: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	- Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. CS119: + Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. + Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. + Có những vận động minh họa theo ý tưởng của bản thân
* MT 84: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời cho bài hát.	- Trẻ biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời cho bài hát CS117: + Dựa trên bài hát / câu chuyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ Ví dụ: trên cơ sở nội dung truyện Dê đen, dê trắng trẻ thay bằng truyện “Mèo đen, mèo trắng”, thay hành động húc nhau bằng cào nhau... + Sử dụng đồ vật với tên gọi mới: ghé làm ô tô, hạt xốp làm gạo, que làm dao thái,...
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
* MT 85: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. - Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động CS 62 + Trẻ hiểu được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên, hiểu được những câu phức và phản ứng lại bằng những hành động hoặc phản hồi tương ứng.. + Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các qui định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...) + Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (ví dụ cất ba lô lên giá, cởi giày và vào lớp chơi cùng các bạn khác).
* MT 86: Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập) Sự vật hiện tượng gần gũi	- Hiểu nghĩa từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi: CS 63 + Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén. Tất cả được gọi chung

	<p>là đồ dùng để uống.”;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Con cá, con cua, con ốc được gọi chung là gì?. + Quả cam, quả chuối, quả đu đủ được gọi chung là gì?. + Con chó, con mèo, con gà được gọi chung là gì?. + Cái bút, quyển sách, cái cặp được gọi chung là gì?.” + PTGT đường bộ gồm những phương tiện nào?.....
* MT 87: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ nét mặt, ánh mắt phù hợp. CS74: Nhìn vào mắt người nói, gật gù, mỉm cười,...
* MT 88: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	<ul style="list-style-type: none"> - Kể về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được CS 70: + Tự kể lại sự việc, hiện tượng rõ ràng , theo trình tự lôgic về sự việc, hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. + Khi người nghe chưa rõ trẻ có thể kể chậm lại, nhắc lại, giải thích lại.
* MT 89: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất, từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày CS 66: + Sử dụng các từ loại: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ,... , hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh + Sử dụng một số từ khác (liên từ, từ cảm thán, từ láy...) vào câu nói phù hợp với ngữ cảnh. Vd: Kể những việc con đã làm?, Trong những việc con đã làm con thấy việc nào khó, việc nào dễ?.....
* MT 90: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đúng các loại câu khác nhau trong giao tiếp CS 67: + Sử dụng đúng các loại câu : câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh phù hợp với tình huống. + Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ...khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý. + Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày. + Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...) + Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại...

* MT 91: Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật	- Trẻ có thể miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật - Trẻ kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định CS71: Thường xuyên tự kể được nội dung câu chuyện (trẻ đã được nghe kể) một cách rõ ràng, theo trình tự nhất định.
* MT 92: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao.	- Trẻ đọc và thể hiện biểu cảm ý nghĩa của bài thơ, ca dao, đồng dao
* MT 93: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc thêm bớt sự kiện trong nội dung truyện	- Trẻ có thể kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc thêm bớt sự kiện. trong nội dung truyện - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác CS120: + Đặt tên mới cho câu chuyện nhưng không mất đi ý nghĩa câu chuyện + Mở đầu / tiếp tục / kết thúc câu chuyện theo cách khác. nhưng không mất đi ý nghĩa câu chuyện
* MT 94: Đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Trẻ thể hiện được một số hành động, tính cách, giọng điệu của nhân vật trong truyện
* MT 95: Sử dụng các từ : “Cám ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng” phù hợp với tình huống	- Trẻ sử dụng một số từ/ câu chào hỏi, lễ phép : “tạm biệt”, “Xin chào” “Cám ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng” phù hợp với tình huống CS77
* MT 96: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, với tình huống và nhu cầu giao tiếp	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, với tình huống và nhu cầu giao tiếp. CS73: + Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt + Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện
* MT 97: Chọn sách để “đọc” và xem	- Thể hiện sự thích thú với sách CS80: + Tìm sách để đọc, yêu cầu người khác “đọc” sách để nghe. + Thường xuyên thể hiện hứng thú khi nghe đọc sách. + Biết hỏi và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung sách cô đọc + Thường chơi ở góc sách, “đọc” sách tranh
* MT 98: Thích đọc những chữ	- Thích đọc những chữ đã biết ở môi trường xung quanh

<p>đã biết ở môi trường xung quanh:</p>	<p><u>CS79:</u> + Hay hỏi về chữ viết (truyện viết về gì? Cái đó viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?) + Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe,.. + Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp.</p>
<p>* <u>MT 99:</u> Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân</p>	<p>- Biết kể chuyện theo tranh <u>CS 85:</u> + Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa (VD nhìn tranh vẽ chiếc xe đạp, trẻ nói “Cháu có một chiếc xe đạp, nhưng xe của cháu màu đỏ và to hơn”). + Xếp được tranh theo đúng trình tự và kể được nội dung chính của câu chuyện.</p>
<p>* <u>MT 100:</u> Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách</p>	<p>- Có một số hành vi như người đọc sách <u>CS83:</u> + Cầm cuốn sách đúng chiều + Biết cách lật trang sách từ phải sang trái, từng trang một. + Đọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới</p>
<p>* <u>MT 101:</u> Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông</p>	<p>- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống <u>CS 82:</u> nhà vệ sinh kí hiệu: wc, biển báo giao thông: đèn tín hiệu, đường 1 chiều, đường dành cho người đi bộ.....</p>
<p>* <u>MT 102:</u> Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt</p>	<p>- Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày. <u>CS 91:</u> + Nhận dạng được ít nhất 20 chữ cái + Phát âm đúng các âm đó. + Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.</p>
<p>*<u>MT 103:</u> Biết tiếng việt được viết theo thứ tự từ trên xuống dưới, từ trái qua phải.</p>	<p>+ Trẻ biết tiếng việt được viết theo thứ tự từ trên xuống dưới, từ trái qua phải. <u>CS90</u></p>
<p>*<u>MT 104:</u> Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình</p>	<p>- Trẻ biết bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. <u>CS 88</u> + Biết sử dụng các dụng cụ viết, vẽ khác nhau + Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày + Sao chép được các từ, chữ cái theo trật tự. - Biết viết tên của bản thân theo cách của mình. <u>CS89</u> + Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động</p>

	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ + Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới
<p>* MT 105: Chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo. Không ngắt lời người khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện CS75: + Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. + Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác... + Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong. + Tập trung, không bỏ giữa chừng khi trò chuyện
<p>* MT 106: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ CS64 + Thể hiện mình hiểu ý chính của câu chuyện : Tên truyện/ thơ/ đồng dao/ ca dao...; các nhân vật; tình huống trong câu chuyện. + Kể lại được nội dung chính trong câu chuyện/ thơ/ đồng dao/ ca dao đã nghe
<p>* MT 107: Nói rõ ràng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói rõ ràng CS65: + Phát âm đúng và rõ ràng. Không nói lắp, ngọng , nói đủ câu để người khác hiểu. + Diễn đạt ý tưởng ; Trả lời được theo ý của câu hỏi (ví dụ trả lời rõ ràng câu hỏi “Balô của chú cháu ở đâu”). + Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình. + Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
<p>* MT 108: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện theo nhu cầu của bản thân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện CS72 + Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. + Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác + Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi). + Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.
<p>* MT 109: Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách CS81: + Để sách đúng nơi qui định. + Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách. + Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi

	bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
* MT 110: “Đọc” theo truyện tranh đã biết.	- Trẻ biết “đọc” theo truyện tranh đã biết. CS84: + Có hành vi tự “đọc” chuyện theo sách truyện đã được nghe đọc + Trẻ đọc sách theo sáng kiến của mình và có được các ý tưởng từ truyện tranh hay các từ ngữ + Cố gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện dựa vào tranh minh họa, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân để trong các hoạt động đọc/ kể chuyện. + Khi nghe đọc truyện, trẻ có thể trả lời câu hỏi “Theo cháu, cái gì sẽ xảy ra tiếp theo?”
* MT 111: Không nói tục chửi bậy	- Trẻ không nói tục, chửi bậy CS78
* MT 112: Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ nét mặt khi không hiểu người khác nói.	- Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ nét mặt khi không hiểu người khác nói. CS76 + Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ “Chim gì là di sáo sậu, “di” nghĩa là gì?) + Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu. + Trẻ chủ động hỏi lại hoặc sử dụng các biểu hiện khác khi không hiểu lời nói của người khác.
* MT 113: Sử dụng lời nói để bày tỏ được cảm xúc hoặc nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Trẻ nói rõ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình bằng lời nói hoặc kết hợp cử chỉ, điệu bộ để không bị người khác hiểu sai CS68 VD: Khi con muốn được đi chơi con sẽ nói với bố mẹ thế nào?; Khi bạn bị đau, buồn phải nói với bạn thế nào để bạn bớt đau, buồn.....
* MT 114: Có thể sử dụng lời nói để thỏa thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động khác nhau.	- Trẻ thỏa thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè theo cách của trẻ để các bạn hiểu và cùng nhau hợp tác trong các hoạt động. CS69
* MT 115: Biết chữ viết có thể đọc, thay cho lời nói.	- Trẻ hiểu rằng: chữ viết có ý nghĩa. Con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau: Viết thư, viết thiệp.... CS86
* MT 116: Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân	- Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân qua bức tranh - Nói được nội dung của tranh CS87

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM- KNXH	
<p>* MT 117: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại</p>	<p>- Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm). + Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)... CS27
<p>* MT 118: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được</p>	<p>- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. CS29:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nói được những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/ vì con còn bé quá... Hoặc con có thể giúp mẹ xếp quần áo hoặc trông em, hoặc vẽ đẹp hoặc hát hay,...) - Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân CS30: + Nêu ý kiến cá nhân trong việc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động khác theo sở thích của bản thân (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...) + Cố gắng thuyết phục bạn/ người liên quan để những đề xuất của mình được thực hiện.
<p>* MT 119: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn và ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)</p>	<p>- Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân CS28</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ trai : mạnh mẽ, dứt khoát + Trẻ gái : Nhẹ nhàng, ý tứ + Lựa chọn trang phục phù hợp giới tính. - Trẻ chấp nhận sự khác biệt giữa mình với người khác. CS59 + Tự nhận ra sự khác biệt của bạn mình + Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...). + Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,...
<p>* MT 120: Biết mình là con /cháu/anh / chị/ em trong gia đình</p>	<p>- Trẻ biết vị trí của mình trong gia đình : con, cháu, anh, chị,...</p>
<p>* MT 121: Biết vâng lời, giúp đỡ</p>	<p>- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc</p>

bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	vừa sức. - Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn CS45 : + Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ. + Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
* MT 122 : Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi)	- Tự thực hiện hoạt động mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn CS33 : + Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi. + Tự rửa tay trước khi ăn. + Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động. + Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn.
* MT 123 : Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	- Hoàn thành công việc được giao. CS31 + Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối. + Nhanh chóng triển khai công việc. + Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc.
* MT 124 : Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, lời nói, cử chỉ giọng nói của người khác	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui buồn tức giận, ngạc nhiên sợ hãi. CS61 + Trẻ lắng nghe và nhận ra được ít nhất 3 cảm xúc trong các cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua ngữ điệu, lời nói của người khác. + Thể hiện được cảm xúc qua ngữ điệu lời nói của trẻ. - Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh. CS35
* MT 125 : Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	- Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ CS36
* MT 126 : Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	- Trẻ có thể thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh CS40 + Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm + Giữ thái độ chú ý trong giờ học. + Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội... + Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường.

<p>*MT 127: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.</p>	<p>- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. CS32: + Ngắm nghía, nâng niu sản phẩm của mình + Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. + Giữ gìn, bảo quản sản phẩm.</p>
<p>*MT 128: Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè</p>	<p>Trẻ có những thể hiện sự an ủi, chia vui với người thân và bạn bè: CS37 + Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui) + An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. + Chúc mừng, ca ngợi, cổ vũ bạn, người thân khi họ có niềm vui</p>
<p>* MT 129: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc)</p>	<p>- Trẻ có thể nhận ra Bác Hồ qua hình ảnh và một số địa điểm : Nhà sàn Bác Hồ, ao cá Bác Hồ, Lăng Bác....</p>
<p>*MT 130: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác</p>	<p>- Trẻ hát được một số bài hát, đọc thơ , cùng cô kể chuyện về Bác Hồ : Nhớ ơn Bác, Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh, thơ : Ảnh bác, Bác Hồ của em, Truyện : Ai ngoan sẽ được thưởng,.....</p>
<p>*MT 131: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn) của quê hương, đất nước</p>	<p>- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống : Thủ đô Hà Nội, di tích lịch sử đền Trần, chùa tháp, hồ Vị Xuyên, áo dài, món phở,....</p>
<p>*MT 132: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình, nơi công cộng</p>	<p>- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình, nơi công cộng : Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị muốn đi chơi phải xin phép</p>
<p>*MT 133: Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép</p>	<p>- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, xưng hô lễ phép với người lớn. CS54 + Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. + Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. + Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, máu chảy nước mắt, cúi đầu, sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin lỗi.</p>
<p>*MT 134: Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác</p>	<p>- Biết lắng nghe cô nói, ý kiến của bạn. CS48: + Chú ý nghe người khác nói. + Không cắt ngang khi người khác đang nói + Chấp nhận ý kiến hợp lý của người khác không trùng</p>

	với ý kiến của mình
*MT 135: Biết chờ đến lượt	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia các hoạt động. CS47: + Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. + Không chen ngang, không xô đẩy người khác. + Không tranh giành suất của bạn khác. + Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
* MT 136: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	<ul style="list-style-type: none"> - Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn CS49: + Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. + Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. + Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn
*MT 137: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn CS50.Khi xảy ra chuyện bất đồng ý kiến hoặc tranh giành nhau, trẻ : + Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thỏa hiệp). + Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ
*MT 138: Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. CS60: + Có ý kiến về sự không công bằng giữa các trẻ. + Nêu được cách tạo lại sự công bằng. + Có mong muốn lập lại sự công bằng
*MT 139: : Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc CS39: + Thích chăm sóc cây cối: Vui vẻ nhận công việc tưới cây, theo dõi sự phát triển của cây. + Thích chăm sóc con vật thân thuộc: cho ăn, chơi đùa, vuốt ve ,...
*MT 140: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. CS56: + Nhận ra ít nhất 3 hành vi đúng, sai đối với môi trường. + Biết được (hoặc có sự gợi ý) ảnh hưởng tốt/ xấu của hành vi đó.

<p>*MT 141: Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.</p>	<p>- Trẻ thường xuyên thực hiện hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. CS57: Không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa, ...</p>
<p>*MT 142: Tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày</p>	<p>Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn,...</p>
<p>* MT 143: Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi</p>	<p>Chủ động bắt chuyện, mạnh dạn trả lời các câu hỏi khi được hỏi CS43</p>
<p>* MT 144: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.</p>	<p>- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. CS44: + Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. + Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm + Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn</p>
<p>* MT 145: : Có nhóm bạn chơi thường xuyên.</p>	<p>Có nhóm bạn chơi thường xuyên. CS46: + Thường hay chơi theo nhóm bạn + Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.</p>
<p>* MT 146: Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.</p>	<p>- Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. CS51: + Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. + Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cùng nhóm</p>
<p>* MT 147: Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.</p>	<p>- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. CS52: + Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. + Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.</p>
<p>* MT 148: Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác</p>	<p>Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác CS53: Nói được việc làm của mình có ảnh hưởng/ gây phản ứng cho người khác.</p>
<p>* MT 149: Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.</p>	<p>- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. CS55: + Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn + Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm, bác bán hàng...) + Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn.</p>

<p>* MT 150: Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.</p>	<p>- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. CS41 + Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) với sự giúp đỡ của người lớn. + Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày.</p>
<p>* MT 151: Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân</p>	<p>Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại. CS34</p>
<p>*MT 152: Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi.</p>	<p>- Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi. CS42: + Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. + Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. + Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.</p>
<p>MT 153: Nói được khả năng, sở thích của bạn bè và người thân</p>	<p>Nói đúng khả năng, sở thích của một số người gần gũi CS58 (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khoẻ; mẹ nấu ăn rất ngon) - Bạn thân của con tên gì ? bạn thích gì ? - Ai vẽ đẹp nhất lớp ?</p>
<p>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</p>	
<p>* MT 154: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.</p>	<p>- Trẻ tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.</p>
<p>* MT 155: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc . Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể truyện.</p>	<p>- Trẻ chú ý lắng nghe cô hát và hưởng ứng cùng cô theo bài hát, bản nhạc. - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể truyện.</p>
<p>* MT 156: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu</p>	<p>- Trẻ có những thể hiện thích thú trước cái đẹp CS38: + Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh.</p>

sắc , hình dáng bố cục) của các tác phẩm tạo hình	+ Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu. + Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve một con vật non...
* MT157: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.	- Trẻ hát đúng lời, giai điệu của bài hát CS100
* MT 158: Nhận ra giai điệu (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hay bản nhạc	- Trẻ nhận ra giai điệu (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hay bản nhạc CS99: Trong các hoạt động âm nhạc hay trong hoạt động vui chơi, khi nghe nhạc trẻ biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, động tác phù hợp với giai điệu(vui, buồn, êm dịu) của bài hát hay bản nhạc
* MT 159: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc CS101
* MT 160: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. CS102: + Biết phối hợp ít nhất 2 loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm
* MT 161: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ (nét thẳng, nét xiên, nét cong,...) để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ. CS6
* MT 162: Phối hợp các kỹ năng cắt, xé , dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé , dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối - Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. CS8 - Cắt được theo đường viền thẳng và cong của hình đơn giản. CS7
* MT 163: Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Có thể phối hợp các kỹ năng nặn (xoay tròn, lăn dài, ấn bẹt,...) để tạo thành sản phẩm: Nặn con lật đật, cái làn, 1 số lọ củ, quả....
* MT 164: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Trẻ có thể phối hợp các kỹ năng xếp hình (xếp chồng, xếp cạnh,...) để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối : Xếp nhà, ghép hàng rào,... : xd trường học, khu tập thể,công viên.....
* MT 165: Nhận xét các sản	- Trẻ có thể nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc,

phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	hình dáng, bố cục.
* MT 166: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích VD: Trẻ tự nghĩ ra các động tác múa minh họa cho bài hát.
* MT 167: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Trẻ có thể gõ đệm bằng các dụng cụ âm nhạc: phách tre, xác xô, trống.....
* MT 168: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. CS103
* MT 169: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Trẻ có thể đặt tên cho bức tranh, hình nặn ... của mình

III. PHÂN PHỐI THỜI GIAN, CHẾ ĐỘ SINH HOẠT VÀ CÁC CHỦ ĐỀ GD

1. Phân phối thời gian: Căn cứ theo CTGDMN quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020, Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 và chương trình GD của nhà trường.

2. Chế độ sinh hoạt: Theo CTGDMN quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 và chương trình GD nhà trường.

3. Chủ đề giáo dục : Dự kiến các chủ đề thực hiện trong năm học 2024- 2025 như sau:

3.1. Khối mẫu Nhà trẻ (24-36 tháng)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	BÉ VÀ CÁC BẠN 3 tuần (Từ ngày 9/9 đến 27/9/2024)	- Bé là ai? - Các bạn của bé ở lớp - Bé và các bạn cùng chơi Tích hợp, lồng ghép một số nội dung về Tết Trung Thu.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	
2	ĐỒ CHƠI CỦA BÉ 3 tuần (Từ ngày 30/9 đến 18/10/2024)	- Đồ chơi mà bé thích - Đồ chơi trong lớp của bé Tích hợp, lồng ghép một số nội dung về Tết Trung Thu.	1 tuần 2 tuần	
3	CÁC BÁC, CÁC CÔ	- Cô giáo của em	1 tuần	

	TRONG TRƯỜNG MẦM NON 3 tuần (Từ ngày 21/10 đến 08/11/2024)	- Các bác, các cô làm việc trong trường mầm non Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày PNVN 20/10 vào một số hoạt động.	2 tuần	
4	BÉ VÀ GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ 4 Tuần (Từ ngày 11/11 đến ngày 06/12/2024)	- Mẹ và bé. - Bé với những người thân yêu - Đồ dùng để ăn - Đồ dùng sinh hoạt Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày NGVN 20/11 vào một số hoạt động.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
5	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU 4 Tuần (Từ ngày 9/12/2024 đến ngày 03/1/2025)	- Con vật sống gần gũi - Những con vật ngộ nghĩnh - Những con vật sống dưới nước - Những con vật sống trong rừng Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày TL QĐNDVN 22/12 vào một số hoạt động.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
6	CÂY- QUẢ- RAU VÀ NHỮNG BÔNG HOA ĐẸP 4 tuần (Từ ngày 06/1 đến 7/2/2025)	- Em yêu cây xanh - Vườn rau của bé - Bé thích ăn các loại quả. - Những bông hoa đẹp Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Dự kiến nghỉ Tết Nguyên Đán từ ngày 27/1 đến 2/2/2025.
7	NGÀY TẾT VUI VẺ	- Bé chuẩn bị đón tết.	1 tuần	

	4 Tuần (Từ ngày 10/2 đến ngày 07/03/2025)	- Ngày tết với bé. - Hương vị ngày tết. - Mùa xuân của bé. Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/ 3.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	
8	BÉ CÓ THỂ ĐI KHẮP NƠI BẰNG PTGT 4 Tuần (từ ngày 10/03 đến ngày 04/04/2025)	- Phương tiện hàng ngày của bé. - PTGT hàng không - PTGT đường thủy - Bé tìm hiểu luật lệ giao thông Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
9	MÙA HÈ ĐẾN 3 Tuần (từ ngày 7/4 đến ngày 25/5/2025)	- Thời tiết mùa hè - Trang phục mùa hè - Bé làm gì trong mùa hè Ứng dụng giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung Bảo vệ môi trường.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	
10	BÉ LÊN LỚP MẪU GIÁO 3 Tuần (từ ngày 28/4 đến ngày 16/5/2025)	- Lớp mẫu giáo của bé - Các hoạt động của bé trong nhóm lớp - Ngày tết của thiếu nhi (1/6). Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp giáo dục trẻ về ngày GPMN, thống nhất đất nước 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5, chúc mừng ngày sinh nhật Bác 19/5.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	

3.2. Khối mẫu giáo bé (3-4 tuổi)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh:	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	TRƯỜNG MẦM NON 4 tuần (từ ngày 9/ 9 đến ngày 04/ 10/ 2024)	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày hội đến trường của bé. - Lớp học của bé. - Cô giáo và các bạn. - Một số hoạt động trong trường mầm non. <p>Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.</p> <p>Tích hợp, lồng ghép một số nội dung về Tết Trung Thu.</p>	<p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p>	
2	BẢN THÂN 4 Tuần (từ ngày 07/10 đến ngày 01/11/2024)	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi là ai? - Cơ thể tôi - Tôi cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh? - Các giác quan của bé <p>Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.</p> <p>Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày PNVN 20/10 vào một số hoạt động.</p>	<p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p>	
3	GIA ĐÌNH 4 Tuần (từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024)	<ul style="list-style-type: none"> - Gia đình tôi - Ngôi nhà gia đình ở - Nhu cầu của gia đình <p>Ứng dụng giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.</p> <p>Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày NGVN 20/11 vào một số hoạt động.</p>	<p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>2 tuần</p>	
4	NGHỀ NGHIỆP 4 Tuần (từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghề phổ biến quen thuộc - Nghề xây dựng - Nghề dịch vụ - Nghề sản xuất <p>Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.</p> <p>Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày TL QĐNDVN 22/12 vào một số</p>	<p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p>	

		hoạt động.		
5	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 4 Tuần (từ ngày 30/12/2024 đến ngày 24/01/2025)	- Một số con vật nuôi trong gia đình - Một số con vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.	2 tuần 1 tuần 1 tuần	
6	THẾ GIỚI THỰC VẬT 4 Tuần (Từ ngày 03/2 đến ngày 28/2/2025)	- Cây xanh - Một số loại rau, củ, quả - Hoa đẹp quanh bé - Cây lương thực Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung về ngày Tết Nguyên Đán vào một số hoạt động.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Dự kiến nghỉ Tết Nguyên Đán từ ngày 27/1 đến 2/2/2025.
7	PHƯƠNG TIỆN VÀ LUẬT GIAO THÔNG 3 Tuần (từ ngày 3/3 đến ngày 21/3/2025)	- Phương tiện giao thông đường bộ - Phương tiện giao thông đường thủy - Quy định giao thông Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/ 3.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	
8	NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN 4 Tuần (từ ngày 24/3 đến ngày 18/4/2025)	- Nước- các nguồn nước - Một số hiện tượng tự nhiên - Mùa hè Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung Bảo vệ môi trường.	1 tuần 2 tuần 1 tuần	
9	QUÊ HƯƠNG- ĐẤT NƯỚC- BÁC HỒ 4 Tuần (từ ngày 21/4 đến	- Quê hương, làng xóm, phố phường - Quê hương yêu quý - Bác Hồ với các cháu thiếu	1 tuần 1 tuần 1 tuần	

	ngày 16/5/2025)	nhi - Ngày tết thiếu nhi 1/6 Ứng dụng giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp giáo dục trẻ về ngày GPMN, thống nhất đất nước 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5, chúc mừng ngày sinh nhật Bác 19/5.	1 tuần	
--	-----------------	--	--------	--

3. Khối mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh:	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	TRƯỜNG MẦM NON 4 tuần (từ ngày 9/ 9 đến ngày 04/ 10/ 2024)	- Ngày hội đến trường của bé - Lớp học của bé. - Cô giáo và các bạn của bé - Các hoạt động trong trường mầm non. Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép một số nội dung về Tết Trung Thu.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
2	BẢN THÂN 4 Tuần (từ ngày 07/10 đến ngày 01/11/2024)	- Tôi là ai? - Cơ thể tôi - Tôi cần gì lớn lên để khỏe mạnh? - Các giác quan của bé Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày PNVN 20/10 vào một số hoạt động.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
3	GIA ĐÌNH 4 Tuần (từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024)	- Gia đình tôi - Gia đình sống chung một ngôi nhà. - Nhu cầu của gia đình Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.	1 tuần 1 tuần 2 tuần	

		Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày NGVN 20/11 vào một số hoạt động.		
4	NGHỀ NGHIỆP 4 Tuần (từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024)	- Nghề phổ biến quen thuộc - Nghề dịch vụ - Nghề xây dựng - Nghề sản xuất Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp chào mừng ngày thành lập QĐNDVN 22/12	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
5	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT 4 Tuần (từ ngày 30/12/2024 đến ngày 24/01/2025)	- Một số con vật nuôi trong gia đình - Một số con vật sống trong rừng - Một số con vật sống dưới nước - Chim và Côn trùng. Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
6	THẾ GIỚI THỰC VẬT 4 Tuần (Từ ngày 03/2 đến ngày 28/2/2025)	- Cây xanh - Một số loại rau, củ, quả - Một số loại hoa - Cây lương thực Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung về ngày Tết Nguyên Đán vào một số hoạt động.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	- Dự kiến nghỉ Tết Nguyên Đán từ ngày 27/1 đến 2/2/2025.
7	PHƯƠNG TIỆN VÀ LUẬT GIAO THÔNG 3 Tuần (từ ngày 3/3 đến ngày 21/3/2025)	- Phương tiện giao thông - Quy định giao thông - Thực hành về luật giao thông Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày QTPN 8/3 vào một số hoạt động.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	

8	NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN 4 Tuần (từ ngày 24/3 đến ngày 18/4/2025)	<ul style="list-style-type: none"> - Nước- các nguồn nước - Mùa hè - Một số hiện tượng tự nhiên Ứng dụng giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Lòng ghép một số kiến thức về Bảo vệ môi trường.	1 tuần 1 tuần 2 tuần	
9	QUÊ HƯƠNG- ĐẤT NƯỚC- BÁC HỒ 4 Tuần (từ ngày 21/4 đến ngày 16/5/2025)	<ul style="list-style-type: none"> - Quê hương em - Đất nước Việt Nam tươi đẹp - Bác Hồ kính yêu - Ngày tết thiếu nhi của bé (1/6) Ứng dụng, lòng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp giáo dục trẻ về ngày GPMN, thống nhất đất nước 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5, mừng sinh nhật Bác 19/5.	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	

4. Khối mẫu giáo lớn (5- 6 tuổi)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	TRƯỜNG MẦM NON – TẾT TRUNG THU 4 tuần (từ ngày 9/ 9 đến ngày 04/ 10/ 2024)	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày hội đến trường của bé- Tết trung thu. - Trường mầm non Sao Vàng của em. - Các hoạt động trong trường MN - Lớp mẫu giáo 5 tuổi của chúng mình. Ứng dụng, lòng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Lòng ghép, tích hợp chào mừng Ngày tết Trung Thu	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	
2	BẢN THÂN 4 Tuần (từ ngày 07/10 đến ngày 01/11/2024)	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi là ai? - Cơ thể tôi - Các giác quan của bé - Cơ thể tôi cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh? 	1 tuần 1 tuần 1 tuần 1 tuần	

		<p>Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.</p> <p>Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày PNVN 20/10 vào một số hoạt động.</p>		
3	<p>GIA ĐÌNH</p> <p>4 Tuần (từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gia đình và những người thân yêu - Ngôi nhà của gia đình bé. - Đồ dùng gia đình - Nhu cầu trong gia đình. <p>Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.</p> <p>Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày NGVN 20/11 vào một số hoạt động.</p>	<p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p>	
4	<p>NGHỀ NGHIỆP</p> <p>4 Tuần (từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghề phổ biến trong xã hội. - Nghề sản xuất. - Nghề truyền thống của địa phương. - Nghề dịch vụ. <p>Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.</p> <p>Tích hợp chào mừng ngày thành lập QĐNDVN 22/12</p>	<p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p>	
5	<p>THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT</p> <p>4 Tuần (từ ngày 30/12/2024 đến ngày 24/01/2025)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số con vật nuôi trong gia đình - Một số con vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước - Một số loài Côn trùng- Chim <p>Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập.</p>	<p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p>	
6	<p>THẾ GIỚI THỰC VẬT</p> <p>4 Tuần (Từ ngày 03/2 đến ngày 28/2/2025)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số loại hoa - Ngày tết quê em - Một số loại cây xanh - Một số loại rau, củ, quả 	<p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p> <p>1 tuần</p>	<p>- Dự kiến nghỉ Tết Nguyên Đán từ</p>

		Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung về ngày Tết Nguyên Đán vào một số hoạt động.		<i>ngày 27/1 đến 2/2/2025.</i>
7	PHƯƠNG TIỆN VÀ LUẬT GIAO THÔNG 3 Tuần (từ ngày 3/3 đến ngày 21/3/2025)	- Phương tiện giao thông đường bộ - Phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy, đường không. - Quy định giao thông Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp, lồng ghép nội dung chào mừng ngày QTPN 8/3 vào một số hoạt động.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	
8	NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN 3 Tuần(từ ngày 24/3 đến ngày 11/4/2025)	- Sự kì diệu của nước - Một số hiện tượng tự nhiên - Các mùa trong năm Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Lồng ghép một số kiến thức về Bảo vệ môi trường.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	
9	QUÊ HƯƠNG- ĐẤT NƯỚC- BÁC HỒ 3 Tuần (từ ngày 14/4 đến ngày 02/5/2025)	- Thành phố Nam Định của em - Đất nước Việt Nam diệu kỳ - Bác Hồ của em Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập. Tích hợp giáo dục trẻ về ngày GPMN, thống nhất đất nước 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5, mừng sinh nhật Bác 19/5.	1 tuần 1 tuần 1 tuần	
10	TRƯỜNG TIỂU HỌC 2 Tuần (từ ngày 5/5 đến ngày 16/ 05/2025)	- Trường tiểu học - Chuẩn bị cho bé vào lớp 1 Ứng dụng, lồng ghép giáo dục Steam phù hợp trong các hoạt	1 tuần 1 tuần	

		động vui chơi, học tập. Tích hợp mừng sinh nhật Bác 19/5 và Quốc tế thiếu nhi 1/6.		
--	--	--	--	--

IV. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

Năm học 2024- 2025 nhà trường tiếp tục duy trì và giữ vững các thành tích đã đạt được, nghiêm túc thực hiện chương trình GDMN, ứng dụng phương pháp giáo dục Steam vào CTGD của nhà trường, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho từng độ tuổi, giúp trẻ phát triển toàn diện. Tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng giáo dục các chuyên đề: Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm- giai đoạn 2021- 2025, Giáo dục dinh dưỡng và VSATTP, Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục bảo vệ môi trường và biển đảo, Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ ; triển khai thực hiện tốt các phong thi đua: Xây dựng trường học thân thiện- học sinh tích cực, Xây dựng trường học an toàn và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ trong trường mầm non, Xây dựng trường học xanh- sạch- đẹp và an toàn,....

1. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ:

- Tổ chức tốt các hoạt động ăn, ngủ, đảm bảo trẻ ăn hết suất, ngủ đủ giấc.
- Thực hiện tốt công tác cân, đo chắm biểu đồ cho trẻ theo quy định. Làm tốt công tác tuyên truyền và phối kết hợp với y tế phường để khám sức khoẻ định kỳ, quản lý sức khoẻ, tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh, uống VTMA, thuốc tẩy giun,.... cho trẻ.
- Tổ chức bồi dưỡng cho CBGV, CNV về nội dung phòng chống dịch bệnh, PC suy dinh dưỡng, chống thừa cân, béo phì, đảm bảo VS an toàn thực phẩm.
- Thực hiện giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho 100% trẻ, thực hiện các nội dung của chuyên đề “Đẩy mạnh phòng, chống bạo hành trẻ” theo Kế hoạch số 84/KH- PGDĐT ngày 31/3/2020 và Công văn số 85/ PGDĐT-GDMN ngày 1/4/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Nam Định về việc đảm bảo an toàn và phòng chống bạo hành trẻ em.
- Đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế của các nhóm/lớp.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch: phòng chống dịch bệnh; phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Phối kết hợp với phụ huynh để có chế độ chăm sóc riêng đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ béo phì.

- Tích cực tuyên truyền, phổ biến các nguy cơ có thể xảy ra và hướng dẫn cha mẹ trẻ các biện pháp, kỹ năng phòng chống tai nạn, thương tích đối với trẻ; giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an toàn cho trẻ em.

2. Công tác giáo dục:

2.1. Thực hiện Chương trình GDMN

- Tổ chức thực hiện CTGDMN phù hợp tình hình thực tế của trường/ lớp, đảm bảo trẻ đạt được các mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo CTGDMN.

- Giáo viên soạn, nộp, triển khai thực hiện kế hoạch kế hoạch đúng thời gian quy định và thực hiện việc ghi nhật ký hàng ngày, việc theo dõi đánh giá trẻ thường xuyên sau mỗi chủ đề (Có sự kiểm tra và ký duyệt của hiệu phó phụ trách).

- Xây dựng môi trường trong và ngoài lớp sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ , phát động phong trào làm đồ dùng đồ chơi tự tạo cho các hoạt động của trẻ theo hướng “ lấy trẻ làm trung tâm”.

- BGH và ban kiểm tra nội bộ thường xuyên dự giờ, kiểm tra rút kinh nghiệm, tổ chức hội giảng, thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ giáo viên để đánh giá xếp loại trên cơ sở đó có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn tới từng giáo viên.

- Bố trí giáo viên dự lớp tập huấn do sở GD-ĐT, phòng giáo dục thành phố mở ngay từ đầu năm học. Bồi dưỡng kỹ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm dưới nhiều hình thức để tất cả giáo viên nắm vững chương trình GDMN, biết chủ động trong việc lựa chọn nội dung, hình thức, môi trường và xây dựng kế hoạch phù hợp với khả năng của trẻ, của lớp mình.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chuyên đề: Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021- 2025, Giáo dục ATGT, giáo dục bảo vệ môi trường và giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, Giáo dục phòng ngừa ứng phó với biến đổi khí hậu trong trường mầm non, giáo dục về tài nguyên môi trường biển hải đảo vào chương trình CSGD trẻ mẫu giáo 5 tuổi, Nâng cao chất lượng chuyên đề phát triển vận động cho trẻ- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công tác an toàn trường học, thực hiện các hội thi, tuyên truyền phổ biến kiến thức giáo dục mầm non cho phụ huynh và cộng đồng, thực hiện tốt công tác phối hợp với phụ huynh thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2. Phát triển Chương trình GDMN

Năm học 2024- 2025 nhà trường tiếp tục ứng dụng, lồng ghép, tích hợp giáo dục Stem để phát triển CTGDMN giúp trẻ biết vận dụng kiến thức đã học giải

quyết vấn đề trong cuộc sống đồng thời rèn luyện và phát triển các kỹ năng quan trọng như: Kỹ năng hợp tác, giao tiếp và làm việc nhóm, Kỹ năng phát hiện vấn đề, Kỹ năng truy vấn, Kỹ năng quan sát. Trẻ có nhiều cơ hội vận dụng kiến thức, kỹ năng vào trong thực tế cuộc sống, tạo ra những sản phẩm có nghĩa. Góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đáp ứng mục tiêu giáo dục mầm non, yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay theo quan điểm “ Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Để đảm bảo việc tích hợp, lồng ghép, ứng dụng giáo dục STEAM vào các hoạt động giáo dục trẻ đảm bảo hiệu quả cần:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế tại các nhóm/lớp, giáo viên cần thiết kế không gian hợp lý tổ chức các hoạt động tích hợp, lồng ghép, ứng dụng giáo dục STEAM linh hoạt để trẻ được tự do di chuyển và tham gia vào các hoạt động STEAM an toàn, thuận lợi. Học liệu mở, đa dạng, được sắp xếp thu hút, lôi cuốn trẻ. Khuyến khích thu thập, sáng tạo, sử dụng thường xuyên nguyên vật liệu thiên nhiên và tái chế là nguồn học liệu hữu dụng, rẻ tiền và sẵn có.

- Tích hợp, lồng ghép, ứng dụng giáo dục STEAM trong xây dựng kế hoạch GD trẻ cần căn cứ vào CTGDMN do Bộ GD và ĐT ban hành, kế hoạch GD năm học của nhà trường, điều kiện thực tiễn của trường/lớp. Trong CTGDMN, hai hoạt động GD chiếm ưu thế trong ứng dụng GD STEAM đó là:

- + Hoạt động khám phá khoa học, lấy GD khoa học là trọng tâm và linh hoạt lồng ghép sử dụng công nghệ, toán học, nghệ thuật cho phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp GD cũng như nhận thức hứng thú của trẻ ở từng độ tuổi. (Theo quy trình khám phá 5E)

- + Hoạt động tạo hình, lấy GD kỹ thuật (thiết kế, chế tạo) làm cốt lõi và lồng ghép linh hoạt yếu tố khoa học, toán học, công nghệ, nghệ thuật để hỗ trợ cho phù hợp, đạt được mục tiêu GD đặt ra một cách hiệu quả.(Theo quy thiết kế kỹ thuật EDP)

- Bên cạnh đó giáo viên cần lựa chọn nội dung tích hợp hoạt động Steam phù hợp cho từng hoạt động phù hợp với nhận thức, nhu cầu khám phá, khả năng của trẻ và phù hợp với hoạt động trong các chủ đề: Hoạt động chơi, hoạt động ở các góc, Hoạt động chơi ngoài trời, Hoạt động chiều (Chơi, hoạt động theo ý thích).

- Giáo viên cần tích cực nghiên cứu, học hỏi, trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nói chung và khả năng ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM nói riêng trong thiết kế các hoạt động giáo dục mầm non.

- Chủ động nghiên cứu ứng dụng, lồng ghép giáo dục STEAM vào Chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Lựa chọn nội dung phù hợp với độ tuổi trẻ

được giao phụ trách, triển khai thực hiện tại lớp, phản hồi lại với tổ chuyên môn để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hợp lí.

- Giáo viên luôn khích lệ và hỗ trợ trẻ khám phá, sáng tạo và thử nghiệm. Tạo không khí vui vẻ, sôi nổi, hào hứng với những câu hỏi, chia sẻ, giải đáp, thảo luận về các vấn đề trẻ quan tâm và cùng giải quyết tâm.

- Tuyên truyền với các bậc phụ huynh về mục đích, lợi ích của việc tích hợp, lồng ghép, ứng dụng giáo dục STEAM trong nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình GDMN. Phối kết hợp với phụ huynh về mặt cung cấp kiến thức cho trẻ, đồ dùng, nguyên liệu cho trẻ để tạo điều kiện cho cô và trẻ hoạt động tốt nhất.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên:

- Ban giám hiệu chủ động, gương mẫu trong việc tự học ,tự bồi dưỡng đặc biệt là bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực quản lý , hiểu biết các văn bản hiện hành đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên. Bố trí sắp xếp cho đội ngũ giáo viên được học tập, tổ chức các hội thi để nâng cao trình độ chuyên môn, kĩ năng sư phạm. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBGV về công tác tuyên truyền với phụ huynh nhằm thực hiện chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Thực hiện nghiêm túc duyệt kế hoạch thực hiện CTGD. Có rút kinh nghiệm sau khi thực hiện các chuyên đề .

- Duy trì sinh hoạt chuyên môn 2 lần/1 tháng có chất lượng, đi vào thảo luận sâu việc đổi mới, sáng tạo nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, các chuyên đề, phương pháp giáo dục theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”, ứng dụng phương pháp giáo dục Steam vào các hoạt động phù hợp lứa tuổi,

4. Công tác kiểm tra:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra nội bộ theo văn bản hướng dẫn của cấp trên, phù hợp tình hình thực tế của nhà trường.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho toàn thể CBGV, NV trong trường về vị trí, vai trò và nhiệm vụ được giao. Đồng thời yêu cầu giáo viên thực hiện nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật, nội quy, quy chế của nhà trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Thành lập ban kiểm tra nội bộ nhà trường, phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên hoạt động thường xuyên nghiêm túc. Sau mỗi lần kiểm tra đều có thông báo, rút kinh nghiệm cho đối tượng được kiểm tra.

- Tăng cường công tác kiểm tra, góp ý, rút kinh nghiệm đối với những giáo viên trẻ.

5. Làm tốt công tác tham mưu, công tác xã hội hoá giáo dục.

- Tham mưu với UBND Phường, phòng GD-ĐT hỗ trợ kinh phí, huy động các nguồn tài trợ ủng hộ kinh phí để sửa các phòng, mua sắm thêm trang thiết bị, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, xanh - sạch - đẹp- an toàn nhằm thực hiện có hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. Đánh giá giáo viên

1.1 Mục đích:

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện CTGDMN theo các lĩnh vực phát triển nhằm hình thành, phát triển tối đa tiềm năng vốn có ở trẻ theo độ tuổi giáo viên trực tiếp giảng dạy.

- Kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên nhằm phát huy những thành tích tốt, rút kinh nghiệm những mặt hạn chế, khắc phục những nhược điểm để hoàn thành tốt công việc được giao.

1.2. Chỉ tiêu: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được kiểm tra, đánh giá theo kế hoạch KTNB; ngoài ra còn có kiểm tra đột xuất trong tháng, trong kỳ, trong năm tùy vào tình hình thực tế.

1.3. Các nội dung đánh giá:

- Kiểm tra hồ sơ, đánh giá theo tháng, chủ đề và cuối năm học
- Kiểm tra kế hoạch hoạt động của giáo viên, các hoạt động hàng ngày trên lớp, hoạt động đánh giá sau mỗi ngày, chủ đề và lưu giữ sản phẩm của trẻ.
- Đánh giá đúng khả năng, năng lực của giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp

1.4. Người đánh giá và đối tượng được đánh giá:

- Người đánh giá: Ban giám hiệu, Tổ trưởng CM
- Đối tượng được đánh giá: Giáo viên, nhân viên
- Sau kiểm tra có nhận xét, rút kinh nghiệm, đánh giá, xếp loại.

2. Đánh giá trẻ: Thực hiện theo CTGDMN quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020.

2.1. Mục đích:

- Đánh giá đúng mức độ phát triển của trẻ so với mục tiêu của từng độ tuổi để có biện pháp thích hợp giúp trẻ tiến bộ và tôn trọng đặc điểm riêng của trẻ.

- Đánh giá sự phát triển của trẻ phải dựa trên cơ sở sự thay đổi của từng trẻ, không kỳ vọng giống nhau với tất cả trẻ; chú trọng và thúc đẩy tiềm năng của mỗi trẻ.

- Sử dụng kết quả đánh giá để xây dựng kế hoạch giáo dục, điều chỉnh kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục tiếp theo cho phù hợp với khả năng, nhu cầu, sở thích, kinh nghiệm sống của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp.

- Làm cơ sở đề trao đổi, đưa ra những quyết định phối hợp trong giáo dục trẻ với cha mẹ trẻ, với giáo viên nhóm/lớp .

- Làm cơ sở đề xuất đối với các cấp quản lý giáo dục trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của nhóm/ lớp/ trường/ địa phương.

- Lưu ý: Kết quả đánh giá sự phát triển của cá nhân trẻ, của nhóm, lớp không sử dụng để đánh giá thi đua, thành tích của giáo viên, của tập thể nhóm/ lớp, không xếp loại trẻ, không dùng để so sánh giữa các trẻ.

2.2. Chỉ tiêu: 100% trẻ được đánh giá theo các lĩnh vực phát triển của độ tuổi.

2.3. Nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá trẻ:

* *Nội dung đánh giá trẻ:*

- Đánh giá sự phát triển các lĩnh vực: Lứa tuổi Nhà trẻ: 4 lĩnh vực (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ); Lứa tuổi Mẫu giáo: 5 lĩnh vực (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ).

- Đánh giá về tình trạng sức khỏe; Trạng thái cảm xúc, thái độ, hành vi của trẻ; Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

* *Phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ:* quan sát; trò chuyện với trẻ; phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ; sử dụng tình huống; trao đổi với cha/mẹ/ người chăm sóc trẻ.

* *Hình thức đánh giá trẻ:* Nhà trường thực hiện đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá theo giai đoạn.

- Đánh giá trẻ hằng ngày: Hằng ngày, giáo viên theo dõi trẻ trong các hoạt động, ghi chép lại những tiến bộ rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để điều chỉnh kế hoạch và biện pháp giáo dục cho phù hợp với sự phát triển của trẻ.

- Đánh giá theo chủ đề: Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nội dung giáo dục đã lựa chọn vào các chủ đề: Các mục tiêu đã thực hiện tốt/các mục tiêu chưa thực hiện tốt; những trẻ thực hiện tốt mục tiêu/ chưa đạt mục tiêu. Từ đó, có những biện pháp phát huy những mục tiêu thực hiện tốt, có hướng khắc phục, điều chỉnh những mục tiêu thực hiện chưa tốt.

- Đánh giá cuối độ tuổi (đối với lứa tuổi nhà trẻ 24- 36 tháng): đánh giá trẻ dựa vào các chỉ số theo các giai đoạn phát triển của trẻ.

- Đánh giá cuối năm học đối với lứa tuổi mẫu giáo: BGH, Giáo viên lựa chọn từ 30-40 mục tiêu để đánh giá phù hợp với thực tế trẻ của trường/ lớp. Từ đó, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục, các điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ: về cơ sở vật chất, về thiết bị mầm non, đồ dùng, đồ chơi mầm non, về nhân lực, thời gian, ... nhằm tác động tích cực đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của năm học tiếp theo.

* *Kết quả đánh giá* được ghi vào phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ theo nhóm/lớp, được lưu vào hồ sơ trẻ và trao đổi, thông báo cho cha mẹ trẻ cũng như giáo viên phụ trách trẻ năm học tiếp theo để cùng phối hợp thực hiện các biện pháp giáo dục phù hợp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non trong năm học.

- Các Tổ chuyên môn, giáo viên bám sát nội dung kế hoạch của nhà trường để lập kế hoạch các hoạt động theo chủ đề phù hợp với điều kiện thực tế của nhóm/lớp. Đồng thời đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường mầm non Sao Vàng. Đề nghị các tổ chuyên môn, các cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc thực hiện./.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Ánh Nguyệt

**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

A blue ink signature of the Deputy Head, written in a cursive style.

Lê Thị Như Quỳnh